

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG THÀNH
TRUONG THANH DEVELOPMENT
AND CONSTRUCTION INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**

Số/No.: 124 /TTA/TB

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Organization name*: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành/ *Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: TTA
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: thôn Nậm Cườm, xã Nậm Bùng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái/ *Nam Cuom village, Nam Bung ward, Van Chan dist., Yen Bai province*
- Điện thoại/ *Telephone*: 02163.897359/ 02462.691699
- Fax: 02163.897.359
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: ông Nguyễn Duy Hưng/ *Mr. Nguyễn Duy Hưng*

Chức vụ/ *Position*: Tổng giám đốc/ *General Manager*

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

Công bố thông tin về Biên bản kết luận thanh tra của Tổng cục hải quan đối với Công ty/
Disclosure about Inspection Conclusions Report from General Department of Customs to the Company.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

-----o0o-----

Yên Bái, ngày 17 tháng 03 năm 2023

Yen Bai, March 17th 2023

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17/03/2023 tại đường dẫn: <http://www.truongthanhgroup.com.vn>

This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 17/03/2023, Available at: <http://www.truongthanhgroup.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/

Attachment:

- Biên bản công bố kết quả thanh tra số 03/BB-CBKLTT;
- Kết luận thanh tra số 1043/KL-TCHQ.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Nguyễn Duy Hưng

BIÊN BẢN
Công bố Kết luận thanh tra

Hôm nay, hồi 09 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại địa điểm Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành; MST: 0102899812; Địa chỉ: Số 29 phố Nguyễn Quốc Trị, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Công ty). Đoàn thanh tra theo Quyết định số 1745/QĐ-TCHQ ngày 09/8/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan tiến hành công bố Kết luận thanh tra của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật Hải quan đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành; MST: 0102899812; Địa chỉ tại thôn Nậm Cườm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

I. Thành phần:

1. Người ra quyết định thanh tra: Thừa ủy quyền của Lãnh đạo Tổng cục tại Tờ trình số 25/TTr -TTKT ngày 13/2/2023 về việc uỷ quyền Cho Vụ Thanh tra kiểm tra thuộc Tổng cục Hải quan thực hiện công bố Kết luận thanh tra đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành.

2. Đại diện Đoàn Thanh tra:

- Bà: Phạm Thị Hải Yến - Kiểm tra viên chính, Vụ thanh tra Kiểm tra, Tổng cục Hải quan - Trưởng đoàn;

- Ông: Nguyễn Mạnh Thu - Kiểm tra viên, Vụ Thanh tra Kiểm tra, Tổng cục Hải quan - Thành viên.

3. Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành Ông: Trần Huy Thiệu – Chủ tịch hội đồng quản trị, đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Đại diện cơ quan hải quan quản lý hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành:

- Đại diện Cục Hải quan thành phố Hà Nội: Bà Đậu Thị Hương Trà – Kiểm tra viên, Phòng Thanh tra, Cục Hải quan Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Cục Hải quan tỉnh Khánh Hoà: Không có.

II. Nội dung:

1. Bà Phạm Thị Hải Yến, Trưởng đoàn thanh tra đọc toàn văn nội dung kết luận thanh tra số 1043/KL-TCHQ ngày 10/3/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Đề nghị Công ty chấp hành đúng các nội dung của Kết luận thanh tra số 1043/KL-TCHQ ngày 10/3/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan. Căn

cứ điểm 2, Điều 106 của Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 ngày 11/11/2022 quy định: “Đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra mà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”

2. Ý kiến của:

- Ông Trần Huy Thiệu – Chủ tịch hội đồng quản trị, đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành: Công ty sẽ thực hiện đầy đủ đúng theo nội dung tại Kết luận thanh tra số 1043/KL-TCHQ ngày 10/3/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan. Công ty sẽ thực hiện niêm yết Kết luận công khai tại trụ sở của công ty và trên website của công ty.

- Bà Đậu Thị Hương Trà - Đại diện Cục Hải quan thành phố Hà Nội: Cục Hải quan thành phố Hà Nội sẽ thực hiện đúng theo nội dung Kết luận thanh tra số 1043/KL-TCHQ ngày 10/3/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

3. Công khai kết luận thanh tra:

Bà Phạm Thị Hải Yến căn cứ quy định tại điểm d khoản 3 Điều 39 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 thực hiện hình thức công khai Kết luận thanh tra bằng hình thức niêm yết Kết luận thanh tra số 1043/KL-TCHQ ngày 10/3/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan tại trụ sở của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành tại Địa chỉ: thôn Nậm Cườm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái trong thời gian 15 ngày liên tục.

Việc công bố và công khai kết luận thanh tra kết thúc hồi 10 giờ 45 phút ngày 17/3/2023. Biên bản công bố Kết luận thanh tra được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận. Biên bản có 02 trang được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Tổng cục Hải quan giữ 01 bản, Công ty giữ 01 bản./.

Trưởng Đoàn thanh tra Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành Người ghi biên bản

Phạm Thị Hải Yến



Trần Huy Thiệu

Nguyễn Mạnh Thư

Số: 1043 /KL-TCHQ

Hà Nội, ngày 10 tháng 3, năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA
(Về việc thanh tra chấp hành pháp luật hải quan đối với
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành)

Thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TCHQ ngày 09/8/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc thanh tra tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành; MST: 0102899812; Địa chỉ tại thôn Nậm Cườm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (sau đây gọi tắt là Công ty). Thời kỳ thanh tra: Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2021.

Từ ngày 17/8/2022 đến ngày 24/9/2022, Đoàn thanh tra Tổng cục Hải quan đã tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành. Căn cứ các quy định của pháp luật; Xét báo cáo kết quả thanh tra của Trường đoàn thanh tra; Biên bản thanh tra tại Công ty ngày 24/9/2022 kèm hồ sơ thanh tra, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG NHẬP KHẨU CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH.

1. Thông tin về Công ty

- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành; Mã số thuế: 0102899812; Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái; Loại hình doanh nghiệp là Công ty cổ phần; lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gồm sản xuất, vận hành công trình điện năng và kinh doanh điện năng.

- Công ty được Phòng đăng ký kinh doanh số 01, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103026597 lần đầu ngày 05/9/2008; được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái sửa đổi lần 13 ngày 31/08/2022. Hiện nay, Công ty có 01 Văn phòng đại diện và 01 Chi nhánh: Văn phòng đại diện ở Hà Nội tại số 29 Nguyễn Quốc Trị, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy đã được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện lần đầu ngày 23/10/2014 và sửa đổi lần 2; 01 Chi nhánh Công ty tại Ninh Thuận được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0102899812-003 lần đầu ngày 16/02/2017, đã được sửa đổi lần thứ 4.

- Công ty hoạt động từ năm 2008 chuyên về sản xuất vận hành công trình điện năng, kinh doanh điện năng, xây dựng lắp đặt các công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV, trạm biến áp 35 KV, xây dựng các công trình công nghiệp, bưu chính viễn thông, thủy lợi, thủy điện, điện mặt trời.

2. Thông tin về nhập khẩu hàng hóa và dự án đầu tư của Công ty

2.1. Về nhập khẩu hàng hóa

Trong thời kỳ thanh tra từ 01/01/2017 đến 31/12/2021, Công ty đã nhập khẩu hàng hóa tại 105 tờ khai loại hình A11, A12, H11, G51. Tổng trị giá kim ngạch nhập khẩu là 1.141,48 tỷ đồng, cụ thể:

Năm	Loại hình A12		Loại hình A11		Loại hình H11		Loại hình G51	
	Số lượng TK	Kim ngạch (tỷ đồng)	Số lượng TK	Kim ngạch (tỷ đồng)	Số lượng TK	Kim ngạch (tỷ đồng)	Số lượng TK	Kim ngạch (tỷ đồng)
2017	2	1.7	0	0	0	0	0	0
2018	3	67.9	0	0	1	0.81	0	0
2019	37	643.5	1	0	16	1.577	1	0.0001
2020	14	419.4	1	0.318	19	4.47	1	0.27
2021	0	0	1	0.63	8	0.91	0	0
Tổng số	56	1132.5	3	0.948	44	7.767	2	0.27

2.2. Về dự án đầu tư

Trong thời kỳ thanh tra Công ty nhập khẩu hàng hóa vật tư, máy móc thiết bị để xây dựng 03 nhà máy sản xuất điện thuộc 03 dự án được ưu đãi đầu tư (Nhà máy thủy điện Pá Hu tại tỉnh Yên Bái; Nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngừ tại Tỉnh Ninh Thuận và Trang trại điện mặt trời hồ Núi Một 1 tại tỉnh Ninh Thuận) cụ thể như sau:

Tên và địa điểm dự án đầu tư	Tổng trị giá dự án đầu tư (tỷ đồng)	Số lượng DM miễn thuế	Số lượng TK NK miễn thuế	Trị giá hàng hóa NK miễn thuế (tỷ đồng)	Nhóm tên hàng nhập khẩu	Tình trạng hoạt động của dự án
Nhà máy thủy điện Pá Hu	978	01	8	84,5	Hệ thống Tua bin thủy lực và hệ thống truyền tải điện	Đã kết thúc nhập khẩu hàng hóa, dự án đang hoạt động phát điện
Nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngừ	1.426	01	32	576.7	Pin năng lượng mặt trời và hệ thống truyền tải điện	Đã kết thúc nhập khẩu hàng hóa, dự án đang hoạt động phát điện
Trang trại điện mặt trời hồ Núi Một 1	1.150	01	13	421	Pin năng lượng mặt trời và hệ thống truyền tải điện	Đã kết thúc nhập khẩu hàng hóa, dự án đang hoạt động phát điện

3. Hạch toán kế toán

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính. Quy trình hạch toán kế toán: Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

- Danh sách các tài khoản tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng.

STT	STK	Loại TK	Ngân hàng
1	12810000035145	VND	BIDV CN Chương Dương
2	37110000161716	VND	BIDV CN Yên Bái
3	12510000358188	VND	BIDV CN Đông Đô
4	37110370012012	USD	BIDV CN Yên Bái
5	7900201007026	VND	Agribank Sơn La
6	213-3-4180-00-00138	VND	CN NHPT Khu vực Phú Thọ - Yên Bái
7	213-5-4100-00-00088	VND	CN NHPT Khu vực Phú Thọ - Yên Bái
8	213-7-4180-00-00035	VND	CN NHPT Khu vực Phú Thọ - Yên Bái

B. KẾT QUẢ THANH TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT HẢI QUAN CỦA HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

I. Thanh tra hồ sơ miễn thuế của 03 dự án đầu tư

1. Dự án Nhà máy thủy điện Pá Hu

1.1. Về chính sách ưu đãi đầu tư của dự án

- Về địa điểm đặt dự án đầu tư: Nhà máy thủy điện Pá Hu được xây dựng tại xã Pá Hu và xã Làng Nhì, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái căn cứ vào Giấy đăng ký sử dụng đất tại Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 do UBND tỉnh Yên Bái cấp và Hợp đồng thuê đất số 73/2017/HĐTĐ ngày 05/10/2017 giữa UBND tỉnh Yên Bái và Công ty.

- Về hồ sơ pháp lý, giấy phép của các cơ quan chức năng cấp cho Dự án: Giấy chứng nhận đầu tư số 16103100006 ngày 24/3/2015; các Quyết định điều chỉnh số 320/QĐ-UBND ngày 07/3/2016, 159/QĐ-UBND ngày 06/02/2018, 400/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp phép cho Công ty xây dựng Nhà máy thủy điện. Hồ sơ pháp lý, các giấy phép, quyết định của cơ quan quản lý chuyên ngành điện và Bộ Công Thương gồm Giấy phép hoạt động điện lực số 252/GP-ĐTĐL ngày 20/9/2020 và 236/GP-ĐTĐL ngày 28/9/2021 của Cục Điều tiết điện lực, Bộ Công thương đồng ý cho Công ty được sản xuất điện cung cấp cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Hồ sơ của Dự án gồm: Hồ sơ thiết kế kèm bản vẽ thi công, bản vẽ hoàn công, bản thuyết minh của dự án do các đơn vị: Viện thủy điện và năng lượng tái tạo, Viện khoa học năng lượng lập và Viện công nghệ năng lượng lập kèm theo các hợp đồng kinh tế (hợp đồng ngoại thương, hợp đồng trong nước) gồm:

STT	Tên đối tác	Tên hạng mục thực hiện	Tổng giá trị đã thanh toán của hợp đồng (VNĐ)	Ghi chú
1	Flover energy private limited (Ấn Độ)	Cung cấp thiết bị cơ điện nhập khẩu	(3.780.000 USD) = 84,5 tỷ đồng	Hợp đồng nhập khẩu
2	Công ty TNHH xây dựng Trường Thành. (MST: 5500198533)	Tuyến hầm, Nhà máy, Đường giao thông thi công vận hành, Nhà quản lý, hầm, đập điều hòa, trạm biến áp...	68,1	Hợp đồng trong nước

3	Công ty TNHH đầu tư xây lắp Trường Thành. (MST: 5200880456)	Tuyến hầm, Đường giao thông	50,8	Hợp đồng trong nước
4	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cường Thịnh. (MST:5500214841)	Xây lắp Tuyến đường dây 110kV	13,2	Hợp đồng trong nước
5	Công ty TNHH hệ thống điện và điện toán Việt Nam (MST:0105370583)	Cung cấp thiết bị điện, dây cáp	4,5	Hợp đồng trong nước

Kết quả thanh tra: Căn cứ vào công văn xin miễn thuế và hồ sơ của dự án do Công ty cung cấp, Đoàn thanh tra kiểm tra thấy hồ sơ miễn thuế của dự án phù hợp căn cứ miễn thuế thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái) được quy định tại mục 14, Phụ lục II, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015.

1.2. Về Danh mục miễn thuế (DMMT).

Cục Hải quan thành phố Hà Nội cấp 01 DMMT số 11/HQHN-DM ngày 11/6/2019 cho dự án đầu tư đối với phần thiết bị máy móc cơ điện của nhà máy, tổng trị giá hàng hóa dự kiến nhập khẩu là: 3,6 triệu USD (84,5 tỷ đồng) gồm 07 hạng mục, trong đó có 40 mục hàng dự kiến nhập khẩu. Chi tiết hàng nhập khẩu cụ thể: (1) Tua bin thủy lực trị giá 1.653.625,88 USD gồm 07 mục hàng dự kiến nhập khẩu. (2) Thiết bị cơ khí phụ trợ cho các thiết bị khác trong nhà máy trị giá 163.919,27 USD gồm 05 mục hàng dự kiến nhập khẩu. (3) Máy phát điện và hệ thống kích từ trị giá 1.119.904,08 USD gồm 05 mục hàng. (4) Thiết bị điện áp máy phát, cáp điện áp 11KV trị giá 68.413,88 USD gồm 03 mục hàng dự kiến nhập khẩu. (5) Hệ thống cáp điện tự dùng trị giá 118,538.74 USD gồm 05 mục hàng dự kiến nhập khẩu. (6) Hệ thống điều khiển, giám sát và bảo vệ trị giá 156,596.20 USD gồm 03 mục hàng dự kiến nhập. (7) Thiết bị 110kv tại trạm biến áp, cáp điện áp 110kv trị giá 395,873.12 USD gồm 12 mục hàng dự kiến nhập khẩu.

Kết quả thanh tra: Đoàn thanh tra thực hiện kiểm tra đối chiếu tên hạng mục hàng hóa và trị giá hàng hóa dự kiến nhập khẩu miễn thuế tại Danh mục miễn thuế phù hợp với tổng vốn dự kiến đầu tư của toàn dự án; hàng hóa tại DMMT phù hợp với các luận chứng kinh tế, bản thuyết minh, tài liệu kỹ thuật của dự án và quy mô của dự án “Công suất của nhà máy 26MW. Điện lượng bình quân năm là 85 triệu KWh/năm”. Danh mục miễn thuế của dự án đầu tư phù hợp với quy định tại Mục 11 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016, Điều 14 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định về hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế, khoản 2 Điều 30 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định về nguyên tắc xây dựng Danh mục miễn thuế.

1.3. Về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế tại tờ khai nhập khẩu:

- Công ty thực hiện nhập khẩu hàng hóa miễn thuế tại 07 tờ khai nhập khẩu loại hình A12. Đoàn thanh tra kiểm tra thấy:

+ Công ty thực hiện lưu trữ hồ sơ hải quan và tờ khai nhập khẩu miễn thuế đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định về hồ sơ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu miễn thuế.

+ Hàng hóa nhập khẩu miễn thuế được khai báo tại tờ khai hải quan và các chứng từ liên quan là máy móc thiết bị được nhập khẩu có trị giá, tên hàng, số lượng đúng theo Danh mục miễn thuế và đúng đối tượng được miễn thuế quy định tại mục a khoản 11 điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016. Tên hàng, số lượng, trị giá hàng hóa miễn thuế nhập khẩu phù hợp với quy mô, công suất của dự án đầu tư đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Tuy nhiên có 02 tờ khai số 102661416100/A12/01BT ngày 28/5/2019 và 102800863651/A12/01BT ngày 07/8/2019 Công ty khai báo hàng hóa nhập khẩu có đơn vị tính là bộ (*chi tiết tại Phụ lục số 01*), Công ty không thực hiện khai báo chi tiết cụ thể theo từng máy móc/thiết bị/bộ phận/linh kiện/phụ tùng riêng lẻ theo quy định tại Mục 1.78, Phụ lục II Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC 20/4/2018 của Bộ Tài chính về mô tả hàng hóa. Công ty không thực hiện đăng ký Danh mục các chi tiết, linh kiện rời của máy móc thiết bị nhập khẩu theo quy định tại Điều 8 Thông tư 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính. Vì vậy đối với hàng hóa nhập khẩu tại 02 tờ khai nêu trên Công ty khai báo tên hàng hóa nhập khẩu chưa đầy đủ thông tin, chỉ số kỹ thuật để kiểm tra đối chiếu với chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách ưu đãi miễn thuế.

1.4. Về sử dụng và báo cáo hàng hóa miễn thuế nhập khẩu:

a) Về việc sử dụng hàng hóa miễn thuế tại dự án đầu tư:

Đoàn thanh tra thực hiện lựa chọn kiểm tra thực tế xác suất đối với mặt hàng là Hệ thống rơ le bảo vệ các thiết bị điện, đường dây, trạm biến áp thấy hàng nhập khẩu đã được lắp đặt và đang sử dụng tại đúng địa điểm đặt dự án đầu tư của Giấy phép đầu tư (xã Pá Hu và xã Làng Nhì, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái) hàng hóa đang sử dụng có tên hàng, số lượng, nhãn hiệu, model, thông số kỹ thuật đúng với khai báo tại tờ khai hải quan (Chi tiết tại Biên bản làm việc số 04).

b) Về báo cáo việc sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu:

Cục Hải quan Thành phố Hà Nội đã tiếp nhận đầy đủ thông báo của Công ty đến thời điểm Đoàn thanh tra làm việc. Hồ sơ báo cáo việc sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu của Công ty gửi cho Cục Hải quan Thành Phố Hà Nội đầy

đủ, phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 30, khoản 1, khoản 3 Điều 31a và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, khoản 14, khoản 15 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ; và Điều 106 Thông tư số 38/2015/TT-B TC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (theo từng thời điểm, thời kỳ báo cáo). Tuy nhiên Cục Hải quan Thành phố Hà Nội chưa thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở của Công ty để xác định hàng hóa nhập khẩu miễn thuế đã sử dụng đúng mục đích lắp đặt, được miễn thuế theo quy định tại Điều 11 Quyết định 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018.

2. Dự án Nhà máy điện mặt trời Hồ Bầu Ngủ.

2.1. Về chính sách ưu đãi đầu tư của dự án.

- Về địa điểm đặt dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngủ được đặt tại địa điểm tại xã Phước Nam, Phước Dinh, huyện Thuận Nam và xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy đăng ký sử dụng đất số CM383715 ngày 16/5/2018 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp và các Quyết định 101/QĐ-UBND ngày 26/3/2018, Quyết định 249/QĐ-UBND ngày 25/06/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành thuê đất (đợt 1 và đợt 2).

- Về hồ sơ pháp lý, giấy phép của các cơ quan chức năng cấp cho Dự án: Quyết định 285/QĐ-UBND ngày 31/08/2017 và Quyết định số 166/QĐ/UBND ngày 05/10/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận; Giấy phép hoạt động điện lực số 224/GP-ĐTĐL ngày 26/06/2019 và 358/GP-ĐTĐL ngày 11/12/2019 của Cục điều tiết điện lực - Bộ Công thương đồng ý cho Công ty được sản xuất điện cung cấp cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Quyết định 2943/QĐ-BCT ngày 28/07/2017 của Bộ Công thương về việc bổ sung danh mục Dự án nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngủ, công suất 50MW vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011 -2015 có xét đến 2020.

- Về hồ sơ của Dự án gồm: Hồ sơ thiết kế cơ sở, Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công do Viện công nghệ năng lượng và Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Cenco kèm theo bản Thuyết minh của dự án đầu tư, bản vẽ kỹ thuật, biên bản nghiệm thu, bản vẽ hoàn công, dự toán ... Kèm theo các hợp đồng kinh tế về từng hạng mục của nhà máy gồm:

STT	Tên đối tác	Tên hạng mục thực hiện	Tổng giá trị đã thanh toán của HĐ (tỷ đồng)	Ghi chú
1	GE ENERGY POWER CONVERSION Việt Nam (Anh)	Cung cấp thiết bị điện nhập khẩu:	576,5	Hợp đồng nhập khẩu

2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Trường Thành. MST: 6200090379	Thiết kế, cung cấp, lắp đặt móng, giá đỡ cho 187.200 tấm pin và móng Inverter và trạm biến áp trung thế	314,3	Hợp đồng trong nước
3	Công ty TNHH đầu tư xây lắp Trường Thành. MST: 5200880456	Đường vận hành và hệ thống thoát nước, Hệ thống tiếp địa nhà trạm Inverter, Cung cấp thiết bị trong nước...	186,6	Hợp đồng trong nước
	Công ty Cổ phần Phúc Thành An. MST: 4500450903	Móng cáp inverter, hệ thống tiếp địa chiều sáng và công tường rào	5,7	Hợp đồng trong nước
5	Công ty Cổ phần Công nghiệp Đại Dương. MST: 2500517819	- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, thiết kế chế tạo, vận chuyển và lắp đặt, thử nghiệm, đưa vào vận hành trạm biến áp 110kV - Lắp đặt thiết bị trạm biến áp	55,04 6,3	Hợp đồng trong nước
6	8 hợp đồng với 8 Công ty	Xây dựng hàng rào	22,04	Hợp đồng trong nước
7	Công ty TNHH cơ khí Tín Phát. MST: 0309069977	- Cung cấp, lắp đặt khung giá đỡ tấm pin. - Lắp đặt tấm pin và cung cấp các phụ kiện, vật tư đi kèm.	9,94 23,2	Hợp đồng trong nước

Kết quả thanh tra: Căn cứ vào công văn xin miễn thuế và hồ sơ của dự án do Công ty cung cấp, Đoàn thanh tra kiểm tra thấy hồ sơ miễn thuế của dự án phù hợp căn cứ miễn thuế thuộc nhóm ngành nghề ưu đãi đặc biệt đầu tư quy định tại khoản 6, mục I, phần A, Phụ lục 01 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 (*Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch*) và dự án thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (*tỉnh Ninh Thuận*) được quy định tại mục 33, Phụ lục II, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015.

2.2. Về Danh mục miễn thuế (DMMT).

- Công ty được Chi cục Hải quan Ninh Thuận, Cục Hải quan Tỉnh Khánh Hòa cấp Danh mục miễn thuế số 41BH-2018-0013 ngày 25/12/2018 cho Dự án đầu tư về phần thiết bị điện nhập khẩu với tổng trị giá dự kiến là 25 triệu USD (576,5 tỷ đồng) gồm 08 mục hàng dự kiến nhập khẩu, chi tiết hàng nhập khẩu cụ thể gồm: (1) Module tấm pin năng lượng mặt trời trị giá 17.606.103,28 USD; (2) Đầu nối cáp trị giá 16.352,38 USD; (3) Hộp đấu nối trị giá 525.726,96 USD; (4) Hợp bộ máy biến áp: máy ngâm dầu 2.42 MVA loại 3 cuộn dây, cấp điện áp trung áp 22KV, hạ áp 605V, hợp bộ đóng cắt RMU 24kV, dòng điện danh định 630A, máy biến áp tự dòng 17.5kVA, tủ điều khiển tại chỗ trị giá 3.523.884 USD; (5) Hợp bộ biến tần loại LV5 1500 1100kW biến tần IEC trị giá 3.084.932 USD; (6) Trạm đo và thu thập dữ liệu thời tiết trị giá 77.393 USD; (7) Hệ thống điều khiển SUNIQ trị giá 227.123 USD; (8) Phụ kiện cho toàn nhà máy trị giá 13.759 USD.

Kết quả thanh tra: Đoàn thanh tra thực hiện kiểm tra đối chiếu tên hàng mục hàng hóa và trị giá hàng hóa dự kiến nhập khẩu miễn thuế tại Danh mục miễn thuế phù hợp với tổng vốn dự kiến đầu tư của toàn dự án; hàng hóa tại DMMT phù hợp với các luận chứng kinh tế, bản thuyết minh, tài liệu kỹ thuật của dự án và quy mô của dự án “Công suất của nhà máy 50MW. Điện lượng bình quân năm là khoảng 98 triệu KWh/năm”. Danh mục miễn thuế của dự án đầu tư phù hợp với quy định tại Mục 11 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016, Điều 14 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định về hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế, khoản 2 Điều 30 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định về nguyên tắc xây dựng Danh mục miễn thuế.

2.3. Về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế tại tờ khai nhập khẩu:

Tại DMMT số 41BH-2018-0013 ngày 25/12/2018 gồm 08 mục hàng, Công ty đã nhập khẩu tại 32 tờ khai loại hình A12. Đoàn thanh tra kiểm tra số liệu tại tờ khai nhập khẩu thấy Công ty nhập khẩu miễn thuế 07/08 mục hàng tại DMMT; 01/08 mục hàng nhập khẩu nộp thuế.

Kết quả thanh tra:

+ Công ty thực hiện lưu trữ hồ sơ hải quan đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định về hồ sơ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu.

+ Hàng hóa nhập khẩu miễn thuế được khai báo tại các tờ khai hải quan và các chứng từ liên quan là máy móc thiết bị được nhập khẩu có trị giá, tên hàng, số lượng đúng theo Danh mục miễn thuế và đúng đối tượng được miễn thuế quy định tại mục a khoản 11 điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016. Tên hàng, số lượng, trị giá hàng hóa miễn thuế nhập khẩu phù hợp với quy mô, công suất của dự án đầu tư đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Tuy nhiên có 02 tờ khai số 102595040550/A12/41BH ngày 17/4/2019; tờ khai số 102623327001/A12/41BH ngày 04/5/2019 Công ty khai báo hàng hóa nhập khẩu có đơn vị tính là bộ (*Chi tiết tại Phụ lục số 01*), Công ty không thực hiện khai báo chi tiết cụ thể theo từng máy móc/thiết bị/bộ phận/linh kiện/phụ tùng riêng lẻ theo quy định tại Mục 1.78, Phụ lục II Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC 20/4/2018 của Bộ Tài chính về mô tả hàng hóa. Đoàn thanh tra kiểm tra 02 tờ khai nhập khẩu thấy Công ty không thực hiện đăng ký Danh mục các chi tiết, linh kiện rời của máy móc thiết bị nhập khẩu theo quy định tại Điều 8 Thông tư 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính. Vì vậy đối với 02 tờ khai nêu trên Công ty khai báo

tên hàng hóa nhập khẩu chưa đầy đủ thông tin, chỉ số kỹ thuật để kiểm tra đối chiếu với chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách ưu đãi miễn thuế.

2.4. Về sử dụng và báo cáo hàng hóa miễn thuế nhập khẩu:

a) Về việc sử dụng hàng hóa miễn thuế tại dự án đầu tư:

Đoàn thanh tra thực hiện lựa chọn kiểm tra thực tế xác suất hàng nhập khẩu của dự án đầu tư đối với mặt hàng là Tấm pin năng lượng mặt trời thấy hàng nhập khẩu đã được lắp đặt và đang sử dụng tại đúng địa điểm đặt dự án đầu tư của Giấy phép đầu tư (xã Phước Nam, Phước Dinh, huyện Thuận Nam và xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận) hàng hóa đang sử dụng có tên hàng, số lượng, nhãn hiệu, model, thông số kỹ thuật công suất và điện áp đúng với khai báo tại tờ khai hải quan (Chi tiết tại Biên bản làm việc số 05).

b) Về Thông báo việc sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu:

Cục Hải quan Tỉnh Khánh Hòa đã tiếp nhận đầy đủ thông báo của Công ty đến thời điểm Đoàn thanh tra làm việc. Hồ sơ báo cáo việc sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu của cho Cục Hải quan Tỉnh Khánh Hòa đầy đủ, phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 30, khoản 1, khoản 3 Điều 31a và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, khoản 14, khoản 15 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ; và Điều 106 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (theo từng thời điểm, thời kỳ báo cáo). Tuy nhiên Cục Hải quan Tỉnh Khánh Hòa chưa thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở của Công ty để xác định hàng hóa nhập khẩu miễn thuế đã sử dụng đúng mục đích lắp đặt, được miễn thuế theo quy định tại Điều 11 Quyết định 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 về việc kiểm tra tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu

3. Dự án Trang trại điện mặt trời Hồ Núi Một 1

3.1. Về chính sách ưu đãi đầu tư của dự án

- Về địa điểm của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy trang trại điện mặt trời hồ Núi Một 1 được đặt tại địa điểm xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT04939 ngày 28/09/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận cấp; Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 14/09/2020 và Hợp đồng thuê đất số 513/HĐ-TĐ ngày 21/09/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận với Công ty.

- Về hồ sơ pháp lý, giấy phép của các cơ quan chức năng cấp cho Dự án: Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 14/09/2018 và Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 12/06/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận chấp thuận chủ trương đầu tư dự án trang trại điện mặt trời hồ Núi Một 1 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành; Quyết định số 2147/QĐ-BCT ngày 21/06/2018 của Bộ Công thương về việc phê duyệt bổ sung danh mục Dự án Trang trại điện mặt trời hồ Núi Một 1, công suất 50MWp vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025.

- Về hồ sơ của Dự án gồm: Hồ sơ thiết kế cơ sở, Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công do Công ty cổ phần tư vấn và thiết bị năng lượng

lập kèm theo bản Thuyết minh của dự án đầu tư, bản vẽ kỹ thuật, biên bản nghiệm thu, bản vẽ hoàn công, dự toán kèm theo các hợp đồng kinh tế về từng hạng mục của nhà máy gồm:

STT	Tên đối tác	Tên hạng mục thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng đã thanh toán (tỷ đồng)	Ghi chú
1	GE ENERGY POWER CONVERSION (Mỹ)	Cung cấp thiết bị nhập khẩu	103	Hợp đồng nhập khẩu
2	Công ty Cổ phần Phúc Thành An. MST: 4500450903	Móng và Khung giàn đỡ tấm pin, Móng inverter, Đường giao thông kết nối với dự án, Rãnh thu nước giàn pin, Đường và hệ thống thoát nước...	226,8	Hợp đồng trong nước
3	Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Cường Thịnh. MST:5500214841	Móng và Khung giàn đỡ tấm pin	64,1	Hợp đồng trong nước
4	Công ty Cổ phần giải pháp năng lượng Việt Nam EVS Holdings. MST: 0101892444	Móng và Khung giàn đỡ tấm pin	16,8	Hợp đồng trong nước
		Lắp đặt thiết bị nhà máy	22	
5	Công ty TNHH MTV Thiết kế và chế tạo thiết bị điện – EEMC.MST: 0106601787	Thiết bị trạm biến áp	52,5	Hợp đồng trong nước
6	Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành. MST: 5200880456	Chi phí xây dựng công trình đường dây 110kV Tuyến 1 mạch	17,3	Hợp đồng trong nước
7	Công ty TNHH Ge Việt Nam. MST: 0101442678	Chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ	1,86	Hợp đồng trong nước

Kết quả thanh tra: Căn cứ vào công văn xin miễn thuế và hồ sơ của dự án do Công ty cung cấp, Đoàn thanh tra kiểm tra thấy hồ sơ miễn thuế của dự án phù hợp căn cứ miễn thuế thuộc nhóm ngành nghề ưu đãi đặc biệt đầu tư quy định tại khoản 6, mục I, phần A, Phụ lục 01 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 (*Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch*) và dự án thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (*tỉnh Ninh Thuận*) được quy định tại mục 33, Phụ lục II, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015.

3.2. Về Danh mục miễn thuế.

Công ty được Chi cục Hải quan Ninh Thuận, Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa cấp Danh mục miễn thuế số 750000398410 ngày 25/12/2018 cho dự án đầu tư đối với phần thiết bị điện nhập khẩu với tổng trị giá dự kiến là 4.4 triệu USD (103 tỷ đồng) có 07 hạng mục (07 mục hàng dự kiến nhập khẩu) chi tiết cụ thể gồm: (1) Đầu nối cáp DC trị giá 14.250 USD; (2) Hộp đấu cáp DC 24 đầu vào có chức năng giám sát, điện áp định mức 1500VDC, cầu chì 20A trị giá 625,000 USD; (3) Máy biến áp 3170/3590 KVA, điện áp 22/0.69 kV, làm mát tự nhiên, 2 cuộn dây nhôm, phụ kiện đồng bộ đi kèm trị giá 1.179.656 USD; (4) Bộ tủ đóng cắt AP 24kV, loại lắp trong nhà, phụ kiện đồng bộ đi kèm trị giá 215.798 USD; (5) Bộ

biến tần (Inverter) loại LV5 plus, điện áp đầu vào 1500VDC, điện áp đầu ra 690VAC, tần số 50Hz, công suất 3.54MW ở 35 độ C, phụ kiện đồng bộ đi kèm trị giá 2.154.546 USD; (6) Trạm đo và thu thập dữ liệu thời tiết, phụ kiện đồng bộ đi kèm trị giá 75.000 USD; (7) Hệ thống điều khiển SUNIQ, phụ kiện đồng bộ đi kèm trị giá 225.000 USD.

Kết quả thanh tra: Đoàn thanh tra thực hiện kiểm tra đối chiếu tên hàng mục hàng hóa và trị giá hàng hóa dự kiến nhập khẩu miễn thuế tại Danh mục miễn thuế phù hợp với tổng vốn dự kiến đầu tư của toàn dự án; hàng hóa tại DMMT phù hợp với các luận chứng kinh tế, bản thuyết minh, tài liệu kỹ thuật của dự án và quy mô của dự án “Công suất của nhà máy 50MWp. Điện lượng bình quân năm là khoảng 80 triệu KWh/năm”. Danh mục miễn thuế của dự án đầu tư phù hợp với quy định tại Mục 11 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016, Điều 14 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định về hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế, khoản 2 Điều 30 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định về nguyên tắc xây dựng Danh mục miễn thuế.

3.3. Về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế khai báo tại tờ khai hải quan:

Tại DMMT số 750000398410 ngày 25/12/2018 gồm 07 mục hàng, Công ty đã nhập khẩu tại 13 tờ khai loại hình A12. Đoàn thanh tra kiểm tra số liệu tại tờ khai nhập khẩu thấy Công ty nhập khẩu miễn thuế 06/07 mục hàng tại DMMT; 01/07 mục hàng Công ty không thực hiện nhập khẩu.

Kết quả thanh tra:

+ Công ty thực hiện lưu trữ hồ sơ hải quan đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định về hồ sơ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu.

+ Hàng hóa nhập khẩu miễn thuế được khai báo tại các tờ khai hải quan và các chứng từ liên quan là máy móc thiết bị được nhập khẩu có trị giá, tên hàng, số lượng đúng theo Danh mục miễn thuế và đúng đối tượng được miễn thuế quy định tại mục a khoản 11 điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016. Tên hàng, số lượng, trị giá hàng hóa miễn thuế nhập khẩu phù hợp với quy mô, công suất của dự án đầu tư đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Tuy nhiên có 03 tờ khai số 103582247310/A12/41BH ngày 08/10/2020; tờ khai số 103536501240/A12/41BH ngày 15/9/2020; tờ khai số 103508006561/A12/41BH ngày 31/8/2020. Công ty khai báo hàng hóa nhập khẩu có đơn vị tính là bộ (*Chi tiết tại Phụ lục số 01*), Công ty không thực hiện khai báo chi tiết cụ thể theo từng máy móc/thiết bị/bộ phận/linh kiện/phụ tùng riêng lẻ theo quy định tại Mục 1.78, Phụ lục II Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC 20/4/2018 của Bộ Tài chính về mô tả hàng hóa. Đoàn thanh tra kiểm tra tờ khai nhập khẩu thấy Công ty không thực

hiện đăng ký Danh mục các chi tiết, linh kiện rời của máy móc thiết bị nhập khẩu theo quy định tại Điều 8 Thông tư 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính. Vì vậy đối với 03 tờ khai nêu trên Công ty khai báo tên hàng hóa nhập khẩu chưa đầy đủ thông tin, chỉ số kỹ thuật để kiểm tra đối chiếu với chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách ưu đãi miễn thuế.

3.4. Về sử dụng và báo cáo hàng hóa miễn thuế nhập khẩu:

a) Về việc sử dụng hàng hóa miễn thuế tại dự án đầu tư:

Đoàn thanh tra thực hiện lựa chọn kiểm tra thực tế xác suất hàng nhập khẩu của dự án đầu tư đối với mặt hàng là Hộp đấu nối thủy hàng nhập khẩu đã được lắp đặt và đang sử dụng tại đúng địa điểm đặt dự án đầu tư của Giấy phép đầu tư (xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận) hàng hóa đang sử dụng có tên hàng, số lượng, nhãn hiệu, model, thông số kỹ thuật công suất và điện áp đúng với khai báo tại tờ khai hải quan (Chi tiết tại Biên bản làm việc số 05).

b) Về Thông báo việc sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu:

Cục Hải quan Tỉnh Khánh Hòa đã tiếp nhận đầy đủ thông báo của Công ty đến thời điểm Đoàn thanh tra làm việc. Hồ sơ báo cáo việc sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu của cho Cục Hải quan Tỉnh Khánh Hòa đầy đủ, phù hợp với quy định tại điểm d khoản 7 Điều 30, khoản 1, khoản 3 Điều 31a và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, khoản 14, khoản 15 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ; và Điều 106 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (theo từng thời điểm, thời kỳ báo cáo). Tuy nhiên Cục Hải quan Tỉnh Khánh Hòa chưa thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở của Công ty để xác định hàng hóa nhập khẩu miễn thuế đã sử dụng đúng mục đích lắp đặt, được miễn thuế theo quy định tại Điều 11 Quyết định 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 về việc kiểm tra tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu

4. Về hạch toán kế toán đối với hàng nhập khẩu:

- Đoàn thanh tra kiểm tra hợp đồng nhập khẩu, trị giá hàng hóa, chứng từ thanh toán thấy Công ty thực hiện thanh toán toàn bộ các lô hàng nhập khẩu đúng trị giá và theo tiến độ đã quy định tại các hợp đồng đối với hàng nhập khẩu (Chi tiết tại Phụ lục số 03).

- Toàn bộ mặt hàng nhập khẩu miễn thuế được Công ty hạch toán đầy đủ vào nhóm các tài khoản tài sản cố định. Đoàn thanh tra thực hiện kiểm tra hạch toán kế toán thấy Công ty hạch toán kế toán theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, cụ thể:

+ Đối với tài sản cố định (TSCĐ) của 03 dự án của Công ty hạch toán 01 TSCĐ/1 dự án vì máy móc thiết bị tại mỗi dự án của Công ty là một hệ thống gồm nhiều bộ phận máy móc riêng lẻ được liên kết với nhau để thực hiện chức năng sản xuất và truyền tải điện, trị giá và thời gian sử dụng của TSCĐ của Công ty phù hợp với quy định tại Mục 1 Điều 3 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

+ Công ty quản lý TSCĐ theo quy định tại Điều 5 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, cụ thể Công ty hạch toán TSCĐ như sau: Khi hình thành TSCĐ ghi Nợ tài khoản 331, có tài khoản 1121 (1122); Khi nhập khẩu máy móc tạo TSCĐ ghi Nợ tài khoản 2412, có tài khoản 331/3333/33381/112/341; Khi đã lắp đặt hoàn chỉnh máy móc thiết bị ghi Nợ tài khoản 211, Có tài khoản 2412; Khi vận hành TSCĐ và tạo doanh thu Công ty thực hiện trích khấu hao TSCĐ ghi Nợ tài khoản 6274, có tài khoản 214. Công ty chưa thực hiện thanh lý đối với TSCĐ là máy móc thiết bị nhập khẩu.

Kết quả thanh tra: Đối với hạch toán quản lý tài sản cố định Công ty thực hiện theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

II. Thanh tra hồ sơ hải quan đối với tờ khai nộp thuế

1. Về hồ sơ hải quan

Căn cứ vào hồ sơ nhập khẩu của Công ty cung cấp cho Đoàn thanh tra gồm: Tờ khai hải quan, hợp đồng ngoại thương, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn của hàng nhập khẩu, tài liệu kỹ thuật của mặt hàng cáp điện. Đoàn thanh tra thực hiện kiểm tra hồ sơ nhập khẩu thấy Công ty thực hiện lưu trữ hồ sơ hải quan đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

2. Về thực hiện quy định pháp luật về thủ tục hải quan đối với khai báo mã HS hàng nhập khẩu

Đoàn thanh tra kiểm tra hồ sơ hải quan đối với hàng nhập khẩu nộp thuế, tài liệu kỹ thuật thấy các tờ khai nhập khẩu sau kê khai áp mã HS chưa phù hợp quy định, cụ thể:

2.1. Các mặt hàng khai báo sai mã HS dẫn đến thiếu số thuế phải nộp:

*** Mặt hàng Cáp điện:**

Công ty nhập khẩu Cáp điện khai báo mã HS là 85441900 có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 5%, thuế GTGT 10% tại các tờ khai sau:

(1) Tờ khai số 103546267160/A12/41BH ngày 21/9/2020 tại dòng hàng số 1,2,3 được khai bổ sung tên hàng sau khi hàng hóa đã được thông quan (tờ khai AMA) ở tờ khai số 730248251940 ngày 18/01/2021;

(2) Tờ khai số 103528142651/A12/41BH ngày 09/10/2020 tại dòng hàng số 2 được khai bổ sung tên hàng ở tờ khai số 730248250210 ngày 18/01/2021.

(3) Tờ khai số 102542273851/A12/41BH ngày 20/3/2019 tại dòng hàng số 1 được khai bổ sung tên hàng ở tờ khai số 730248236320 ngày 18/01/2021;

(4) Tờ khai số 102593392160/A12/41BH ngày 17/4/2019 tại dòng hàng số 1 được khai bổ sung tên hàng ở tờ khai số 730248246340 ngày 18/01/2021

(5) Tờ khai số 102418431252/A12/41BH ngày 02/01/2019 tại dòng hàng số 1 được khai bổ sung tên hàng ở tờ khai số 730249180840 ngày 23/01/2021.

(6) Tờ khai số 102743777032/A11/02B1 ngày 08/7/2019.

Căn cứ vào nội dung khai báo tên hàng tại 06 tờ khai nhập khẩu và tờ khai bổ sung trên; căn cứ Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính

phủ, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 về Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan; Căn cứ Thông tư 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa, phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm; Căn cứ Thông tư 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi tại Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định về Kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

Theo các quy định tại căn cứ trên việc phân loại mặt hàng cáp điện phải tuân thủ theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, do vậy mặt hàng này phù hợp nhóm 8544: *Dây điện, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) có cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn có cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang, làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi, có hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối.* Mặt hàng nhập khẩu theo mô tả tên hàng do Công ty khai báo là dây cáp điện có đặc điểm là loại cáp điện dùng cho điện áp trên 1 KV nhưng không quá 36 KV, được bọc cách điện bằng XLPE, XLPO hoặc HDPE, có đường kính lõi nhỏ hơn 22,7 mm thì thuộc phân nhóm - 8544.60 "*Các dây dẫn điện khác, dùng cho điện áp trên 1000 V*". Phân nhóm -- "*Dùng cho điện áp trên 1 kV nhưng không quá 36 kV*". Mã HS: 8544.60.11 "*Cáp được bọc cách điện bằng plastic có đường kính lõi nhỏ hơn 22,7mm*". Vậy những mặt hàng nhập khẩu cáp điện nêu trên phù hợp mã HS 8544.60.11 có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 20%, thuế suất thuế GTGT 10%.

Căn cứ Công văn số 8170/TCHQ-TXNK ngày 30/12/2020 của Tổng cục Hải quan gửi các cục Hải quan tỉnh, thành phố đề nghị chấn chỉnh, rà soát các Doanh nghiệp nhập khẩu khai báo mặt hàng Cáp điện tại nhóm 8544 lưu ý với Cáp điện dùng trong hệ thống điện mặt trời cụ thể: "*Việc phân loại mặt hàng trong đó cáp điện tại phân nhóm 8544.60 phải tuân thủ theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, theo đó các loại cáp điện trên 1 KV nhưng không quá 36KV được bọc cách điện bằng plastic và có đường kính lõi nhỏ hơn 22,7 mm thì thuộc mã 8544.60.11*"

Căn cứ vào hồ sơ hải quan và Tài liệu kỹ thuật đính kèm theo các tờ khai bổ sung do Chi cục Hải quan Ninh Thuận, Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa cung cấp tại Công văn số 153/HQKH-NV ngày 06/10/2022 Đoàn thanh tra đối chiếu phù hợp với hồ sơ tài liệu kỹ thuật được đính kèm tại các tờ khai nhập khẩu cáp điện tại hệ thống thông quan hàng hóa tự động Vnaccs (Ecustoms).

Kết quả thanh tra: Căn cứ vào các nội dung quy định trên Đoàn thanh tra thấy Công ty đã khai sai mã HS đối 06 tờ khai nhập khẩu cáp điện nêu trên dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp là: 10.315.959.676 đồng (trong đó thuế nhập khẩu 9.378.145.160 đồng; thuế GTGT là 937.814.516 đồng) (*Chi tiết tại bảng kê số 02*).

*** Mặt hàng Hộp đấu nối.**

(7) Tại tờ khai số 103608939562/H11/41BH ngày 22/10/2020 tại dòng hàng số 4, 8, 14: Công ty khai báo tên hàng nhập khẩu là: *Hộp đấu cáp DC 24 đầu vào có chức năng giám sát, điện áp định mức 1500VDC, cầu chì 20A. Hàng mới 100%. Hàng F.O.C, Mã HS khai báo là 85359090 có thuế suất thuế NK 0%, thuế GTGT 10%.*

Đoàn thanh tra kiểm tra hồ sơ nhập khẩu và kiểm tra hàng hóa thực tế tại dự án thấy mặt hàng nhập khẩu tại tờ khai trên là: *Tủ hình hộp, bên trong có đấu nối các dây dẫn, cầu chì, cầu dao (nhóm 8535, 8536). Căn cứ theo chú giải tại Chương 85, những thiết bị mà: “Chúng bao gồm một cụm thiết bị lắp ráp những thiết bị từ nhóm 8535 và 8536 (ví dụ các thiết bị đóng ngắt và cầu chì) được lắp ráp lại với nhau trên một bảng mạch, bảng điều khiển, giao diện điều khiển hoặc được gá trên tủ, bàn ...” sẽ được xếp vào nhóm 8537. Vì vậy mặt hàng nhập khẩu tại tờ khai nêu trên phù hợp với mô tả của nhóm 8537, là loại có điện áp trên 1000V nên vào phân nhóm – 8537.20 “Dùng cho điện áp trên 1000V”; Mã HS – 8537.20.90 “Loại khác” có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 5%, thuế GTGT 10%.*

Như vậy, căn cứ hàng hóa tại dự án và quy định áp mã HS nêu trên thì hàng nhập khẩu tại tờ khai phù hợp với mã HS 8537.20.90 có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 5%, GTGT 10%. Công ty đã khai sai mã HS tại tờ khai nêu trên dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp là: 6.111.634, đồng (thuế NK: 5.556.013, đồng; thuế GTGT: 555.603, đồng) (Chi tiết tại Phụ lục 02).

*** Mặt hàng Bộ đỡ tua bin thủy lực.**

(8) Tại tờ khai số 102661416100/A12/01BT ngày 28/5/2019 Công ty khai báo tên hàng là: *Bộ đỡ tuabin thủy lực, dự án thủy điện Pá Hu, công suất 13 MW (phụ tùng của tuabin thủy lực) áp mã HS 8410.90.00 có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 0%, thuế suất thuế GTGT 10%.*

Đoàn thanh tra thực hiện kiểm tra tài liệu kỹ thuật của hàng nhập khẩu, bản vẽ lắp đặt tại công trình và thực tế hàng hóa tại Dự án thấy mặt hàng “*Bộ đỡ tuabin thủy lực*” là cấu kiện của công trình xây dựng, cấu kiện ghép từ thép hình hay thép tấm bằng các liên kết hàn và liên kết bu lông được thiết kế gắn chặt vào bê tông của công trình xây dựng liên kết với Tuabin bằng hệ thống bu lông, ốc vít, nên phù hợp phân loại vào nhóm 7308: “*Các kết cấu (trừ nhà lắp ghép thuộc nhóm 94.06) và các bộ phận rời của các kết cấu (ví dụ, cầu và nhịp cầu, cửa công, tháp, cột lưới, mái nhà, khung mái, cửa ra vào, cửa sổ, và các loại khung cửa, ngưỡng cửa ra vào, cửa chớp, lan can, cột trụ và các loại cột khác), bằng sắt hoặc thép; tấm, thanh, góc, khuôn, hình, ống và các loại tương tự, đã được gia công để dùng làm kết cấu, bằng sắt hoặc thép*”. - “*loại khác*”. -- 7308.90 “*loại khác*”. --- 7308.90.99 “*loại khác*”

Do vậy mặt hàng “*Bộ đỡ tuabin thủy lực*” phù hợp HS 7308.90.99 có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 10%; thuế GTGT 10%. Công ty đã khai sai mã HS của mặt hàng nhập khẩu dẫn đến thiếu số thuế phải nộp là 107.914.159 đồng (thuế NK: 98.103.781 đồng; thuế GTGT: 9.810.378 đồng) (Chi tiết tại phụ lục số 02).

Kết quả thanh tra: Công ty đã có hành vi khai sai mã HS của hàng nhập khẩu tại 08 tờ khai đã được nêu trên dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp là **10.429.985.469** đồng (thuế nhập khẩu 9.481.804.973 đồng; thuế GTGT là 948.180.497 đồng). Tuy nhiên Công ty đã khai báo đúng tên hàng trên tờ khai hải quan, đồng thời các mặt hàng trên Công ty chưa được Bộ Tài Chính và Tổng cục Hải quan có văn bản cụ thể hướng dẫn về mã số hàng hóa và thuế suất theo quy định. Công ty không cố ý khai sai mã HS của các mặt hàng nhập khẩu trên. Công ty đã vi phạm tại Khoản 1a, Điều 9 Nghị định 128/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021.

2.2. Khai sai mã HS không dẫn đến thiếu tiền thuế phải nộp:

*** Mặt hàng Cáp điện.**

Tại 02 tờ khai số 103528085361/A12/41BH ngày 10/9/2020 tại dòng hàng số 1 được khai bổ sung tên hàng ở tờ khai số 730248248440 ngày 18/01/2021 và tờ khai số 103528142651/A12/41BH ngày 10/9/2020 tại dòng hàng số 1 được khai bổ sung tên hàng ở tờ khai số 730248250210 ngày 18/01/2021 Công ty khai báo tên hàng tại tờ khai bổ sung là: *Cáp DC dây đơn dạng cuộn nối tám pin (ALBARAN 20200926/ 90601576), 1Cx4mm, đường kính 2.26 mm, lõi đồng điện phân mạ kẽm, bọc LSZH XLPO, điện áp định danh 1500VDC, chưa lắp đầu nối, không dùng cho viễn thông, hàng mới 100%;* áp mã HS 85441190 có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 10%; thuế GTGT 10%.

Đoàn thanh tra đối chiếu các tài liệu thuật kèm theo tờ khai bổ sung do Chi cục Hải quan Ninh Thuận, Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa cung cấp và hồ sơ tài liệu kỹ thuật được đính kèm tại các tờ khai nhập khẩu mà Đoàn Thanh tra thu thập trên phần mềm Hệ thống thông quan hàng hóa tự động Vnaccs (Ecustoms) thấy rằng: Mặt hàng cáp điện khai báo trên tờ khai hải quan có thông số kỹ thuật chưa phù hợp với thông số kỹ thuật mặt hàng cáp điện được mô tả tại tài liệu kỹ thuật, cụ thể: Tại tờ khai, công ty khai báo là Cáp điện có vỏ bọc là *LSZH XLPO*; nhưng tại tài liệu kỹ thuật miêu tả tên hàng có 02 lớp bọc cáp là: *Insulation: Halogen free cross-linked rubber; Outer sheath: Halogen free cross-linked rubber – Lớp cách điện bằng cao su liên kết chéo không chứa Halogen; Lớp vỏ bọc bằng cao su liên kết chéo không chứa Halogen.*

Vậy lớp bọc cáp điện của hàng hóa theo mô tả tại tài liệu tài liệu kỹ thuật đính kèm theo tờ khai hải quan có chất liệu bằng cao su, phù hợp phân loại vào *Nhóm 8544*: “Dây điện, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) có cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn có cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang, làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi, có hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối”. Trong đó, *phân nhóm - 8544.60* “Các dây dẫn điện khác, dùng cho điện áp trên 1000 V”. *Phân nhóm - -* “Dùng cho điện áp trên 1 KV nhưng không quá 36 KV”. Mã HS --- *8544.60.12* “Loại khác, được bọc cách điện bằng cao su, plastic hoặc giấy”.

Căn cứ theo quy tắc áp mã, mặt hàng này có 02 đặc điểm mô tả của hàng hóa làm căn cứ áp mã HS theo biểu thuế (căn cứ đặc điểm *đường kính lõi 4mm nhỏ hơn 22,7 mm* được xếp vào nhóm 8544.60.11 và đặc điểm *cách điện bằng cao su* được xếp vào nhóm 8544.60.12). Căn cứ theo quy tắc 3c, khi 1 mặt hàng có đặc trưng ngang nhau thì phải xếp vào nhóm có thứ tự sau cùng. So sánh trong 2 nhóm 8544.60.11 và 8544.60.12 thì nhóm 8544.60.12 có thứ tự đứng sau.

Như vậy mặt hàng Cấp điện tại 02 tờ khai trên Công ty khai báo tên hàng chưa phù hợp với tài liệu kỹ thuật đính kèm tại tờ khai bổ sung. Căn cứ theo quy tắc 1, 3c, 6 thì mặt hàng trên phù hợp mã HS 8544.60.12 có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 5%, GTGT 10% (*Chi tiết tại Phụ lục số 02*)

*** Mặt hàng hộp đấu nối:**

Tại tờ khai số 102442911060/A12/41BH ngày 15/01/2019 Công ty khai báo tên hàng nhập khẩu là: *Hộp đấu nối, GFRP, 24 chuỗi cầu chì 15A, điện áp danh định 1500V, cầu đấu MC4, hàng mới 100%*; Mã HS theo khai báo là 8536.90.22. Thuế suất thuế NK 20%, GTGT 10%.

Đoàn thanh tra kiểm tra hồ sơ nhập khẩu và kiểm tra hàng hóa thực tế tại dự án thấy mặt hàng nhập khẩu tại tờ khai trên là: *Tủ hình hộp, bên trong có đấu nối các dây dẫn, cầu chì, cầu dao (nhóm 8535, 8536)*. Căn cứ theo chú giải tại Chương 85, những thiết bị mà: “Chúng bao gồm một cụm thiết bị lắp ráp những thiết bị từ nhóm 8535 và 8536 (ví dụ các thiết bị đóng ngắt và cầu chì) được lắp ráp lại với nhau trên một bảng mạch, bảng điều khiển, giao diện điều khiển hoặc được gá trên tủ, bàn ...” sẽ được xếp vào nhóm 8537. Vì vậy mặt hàng nhập khẩu tại tờ khai nêu trên phù hợp với mô tả của nhóm 8537, là loại có điện áp trên 1000V nên vào phân nhóm – 8537.20 “*Dùng cho điện áp trên 1000V*”; Mã HS – 8537.20.90 “*Loại khác*” có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 5%, thuế GTGT 10%. (*Chi tiết tại Phụ lục số 02*).

Kết quả thanh tra: Công ty đã có hành vi khai sai mã HS của hàng nhập khẩu đã được nêu trên nhưng không làm thiếu số thuế phải nộp. Công ty đã vi phạm tại khoản 1b, Điều 8 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021.

IV. Ý kiến của Công ty

Thay mặt Công ty, ông Trần Huy Thiệu, số chứng minh thư: 050408566, Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị là Đại diện theo pháp luật của Công ty có ý kiến như sau:

- Công ty đã nghiêm túc chấp hành Quyết định thanh tra số 1745/QĐ-TCHQ ngày 09/8/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, đã chủ động hợp tác với Đoàn thanh tra trong việc cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn.

- Công ty ghi nhận với toàn bộ nội dung đã nêu ra tại Biên bản thanh tra ngày 24/9/2022. Công ty cam kết các số liệu, tài liệu, báo cáo Công ty đã cung cấp, xuất trình cho Đoàn thanh tra là hoàn toàn trung thực, phản ánh đúng thực tế hàng hoá nhập khẩu, Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác trước pháp luật.

- Đối với việc Công ty khai sai mã hàng của mặt hàng nhập khẩu do Đoàn thanh tra đã nêu ra Công ty giải trình do lần đầu nhập khẩu nên Công ty không nắm rõ thông số kỹ thuật của mặt hàng cấp điện và chi tiết áp mã HS của biểu thuế theo quy định, Công ty không cố ý khai sai mã của hàng nhập khẩu để trốn thuế phải nộp. Công ty cam kết Công ty sẽ thực hiện nộp đủ số thuế còn thiếu, phạt vi phạm hành chính về hải quan và tiền chậm nộp thuế theo quy định.

C. KẾT LUẬN VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Kết luận

Thanh tra tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành về việc chấp hành pháp luật hải quan thời kỳ từ 01/01/2017 đến 31/12/2021 Đoàn thanh tra có kết luận như sau:

1. Đối với hàng nhập khẩu miễn thuế của 03 dự án đầu tư:

- Về việc thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư: Hồ sơ miễn thuế của 03 dự án đầu tư phù hợp căn cứ miễn thuế thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư được quy định tại Phụ lục II, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015.

- Về Danh mục miễn thuế: Danh mục miễn thuế của dự án đầu tư phù hợp với quy định tại Mục 11 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016, Điều 14 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định về hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế và Điều 30 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định về Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu đối với các trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế.

- Về tờ khai nhập khẩu miễn thuế:

+ Công ty thực hiện lưu trữ hồ sơ hải quan đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định về hồ sơ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu.

+ Hàng hóa nhập khẩu miễn thuế đúng theo Danh mục miễn thuế và đúng theo đối tượng được miễn thuế quy định tại mục a Khoản 11 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 và phù hợp với ngành nghề, lĩnh vực đầu tư, mục tiêu của dự án. Số lượng, trị giá hàng hóa miễn thuế được cấp đăng ký phù hợp với quy mô, công suất của dự án đầu tư đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Tên hàng, số lượng, trị giá hàng hóa miễn thuế được cấp đăng ký phù hợp với nguyên tắc xây dựng Danh mục miễn thuế được quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.

Tuy nhiên tại 03 dự án ưu đãi đầu tư có tổng số 07 tờ khai nhập khẩu miễn thuế Công ty khai báo hàng hóa nhập khẩu có đơn vị tính là bộ (*Chi tiết tại Phụ lục số 01*), Công ty không thực hiện khai báo chi tiết cụ thể theo từng máy móc/thiết bị/bộ phận/linh kiện/phụ tùng riêng lẻ theo quy định tại Mục 1.78, Phụ lục II Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC 20/4/2018 của Bộ Tài chính về mô tả hàng hóa. Đoàn thanh tra

kiểm tra tờ khai nhập khẩu thấy Công ty không thực hiện đăng ký Danh mục các chi tiết, linh kiện rời của máy móc thiết bị nhập khẩu theo quy định tại Điều 8 Thông tư 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính. Vì vậy đối với 07 tờ khai nêu trên Công ty khai báo tên hàng hóa nhập khẩu chưa đầy đủ thông tin, chỉ số kỹ thuật để kiểm tra đối chiếu với chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách ưu đãi miễn thuế.

2. Đối với hàng nhập khẩu nộp thuế:

Căn cứ Thông tư 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa, phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm; Căn cứ áp dụng theo 6 quy tắc áp mã tại Thông tư 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi tại Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định về Kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu và căn cứ việc kiểm tra khai báo tên hàng và tài liệu kỹ thuật kèm hồ sơ hải quan, Đoàn thanh tra xác định:

2.1. Các mặt hàng khai báo sai mã HS dẫn đến thiếu số thuế phải nộp.

- Đối với mặt hàng nhập khẩu “Cáp điện” Công ty khai báo sai mã HS của 06 tờ khai là 85441190 và 85441900 được đoàn thanh tra điều chỉnh mã HS phù hợp là 8544.60.11 dẫn đến Công ty đã nộp thiếu số thuế phải nộp là 10.315.959.676 đồng (thuế nhập khẩu 9.378.145.160 đồng; thuế GTGT là 937.814.516 đồng).

- Đối với mặt hàng nhập khẩu “Hộp đầu nối” Công ty khai báo sai mã HS của 01 tờ khai là 85359090 được đoàn thanh tra điều chỉnh lại mã HS phù hợp là 85372090 đến Công ty đã nộp thiếu số thuế phải nộp là 6.111.634, đồng (thuế NK: 5.556.013, đồng; thuế GTGT: 555.603, đồng).

- Đối với mặt hàng nhập khẩu “Bệ đỡ Tuabin thủy lực” Công ty khai báo sai mã HS của 01 tờ khai là 8410.90.00 được đoàn thanh tra điều chỉnh lại mã HS phù hợp là 7308.90.99 dẫn đến Công ty đã nộp thiếu số thuế phải nộp là 107.914.159 đồng (thuế nhập khẩu 98.103.781 đồng; thuế GTGT 9.810.378 đồng).

Tổng số thuế còn thiếu Công ty phải nộp là: **10.429.985.469** đồng (thuế nhập khẩu 9.481.804.973 đồng; thuế GTGT là 948.180.497 đồng) (Chi tiết tại Phụ lục số 02).

2.2. Các mặt hàng khai báo sai mã HS không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp.

- Đối với mặt hàng nhập khẩu “Cáp điện” Công ty khai báo sai mã HS tại 02 tờ khai là 85441190 có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 10%. Được Đoàn thanh tra điều chỉnh lại mã HS phù hợp là 85446012 có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 5%, (Chi tiết tại Phụ lục 02).

+ Đối với mặt hàng nhập khẩu “Hộp đầu nối” Công ty khai báo sai mã HS tại 01 tờ khai là 85369022 có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 20%. Được Đoàn

thanh tra điều chỉnh lại mã HS phù hợp là 85372090 có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 5% (*Chi tiết tại Phụ lục 02*).

II. Kiến nghị biện pháp xử lý

1. Đối với Công ty CP đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành

1.1. Về thủ tục hải quan.

- Đối với hành vi vi phạm khai sai mã HS của hàng nhập khẩu dẫn đến Công ty đã nộp thiếu số thuế phải nộp là **10.429.985.469** đồng. Đề nghị Công ty thực hiện việc kê khai lại mã HS với Chi cục Hải quan Ninh Thuận, Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa đối với 08 tờ khai nhập khẩu nêu tại tiểu mục 2.1, mục II, phần B của Kết luận thanh tra.

- Đối với hành vi vi phạm khai sai tên hàng và mã HS của hàng nhập khẩu nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp. Đề nghị Công ty tự thực hiện xác định đúng tên hàng và mã HS của mặt hàng nhập khẩu và khai báo lại tên hàng và mã HS đúng của 03 tờ khai nhập khẩu nêu tại mục tiểu mục 2.2, mục II, phần B của Kết luận thanh tra.

- Đối với khai báo tên hàng tại 07 tờ khai nhập khẩu Công ty không khai báo đầy đủ chi tiết về hàng nhập khẩu miễn thuế đã được nêu tại tiểu mục 1.2; 2.2; 3.2 Mục I, phần B, đề nghị Công ty làm việc với Cục Hải quan Tỉnh Khánh Hòa, Cục Hải quan Thành phố Hà Nội để xác định đúng hàng nhập khẩu miễn thuế theo quy định (*Chi tiết tại Phụ lục số 01*).

1.2. Xử lý về thuế.

Căn cứ Điều 39 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012; Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; Điều 33 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Điều 48 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018. Công ty có trách nhiệm nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT còn thiếu là: **10.429.985.469** đồng vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định (*Chi tiết tại Phụ lục số 02*).

1.3. Tiền chậm nộp thuế.

Công ty thực hiện nộp tiền chậm nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 tại Điều 7, Điều 30 quy định về nghĩa vụ của người nộp thuế và Điều 106 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 và khoản 32 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 quy định người nộp thuế tự xác định số tiền chậm nộp; Khoản 5 Điều 42 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định thời hạn nộp thuế đối với số tiền thuế ấn định. Công ty phải thực hiện nộp tiền chậm nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT của ấn định thuế theo đúng quy định.

1.4. Xử phạt vi phạm hành chính.

- Đối với hành vi vi phạm quy định về khai thuế đã dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp của 08 tờ khai nhập khẩu. Công ty đã khai báo đúng tên hàng nhập khẩu trên tờ khai hải quan, đồng thời Công ty chưa được Bộ Tài Chính và Tổng cục Hải quan có văn bản hướng dẫn cụ thể về mặt hàng Cấp điện và hộp đấu nối. Công ty không cố ý khai sai mã HS của mặt hàng nhập khẩu trên. Căn cứ xử phạt tại Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 67/2020/QH14 về xử lý vi phạm hành chính; Công ty đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

- Đối với hành vi vi phạm quy định về khai thuế không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp của 03 tờ khai nhập khẩu. Công ty đã vi phạm tại khoản 1b, Điều 8 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021.

Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về xử phạt vi phạm hành chính.

2. Kiến nghị Cục Hải quan Tỉnh Khánh Hòa, Cục Hải quan Thành phố Hà Nội.

- Đề nghị Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa, Cục Hải quan Thành Phố Hà Nội chỉ đạo các Chi cục Hải quan đã thực hiện thông quan các tờ khai nhập khẩu Công ty khai báo sai mã HS dẫn đến thiếu số thuế phải nộp Đoàn thanh tra nêu tại tiểu mục 2, Mục II, phần B của Kết luận thanh tra. Thực hiện ấn định thuế nhập khẩu và thuế GTGT còn thiếu và thu đủ thuế theo quy định (số thuế còn thiếu tại các tờ khai nhập khẩu thuộc Cục Hải quan Tỉnh Khánh Hòa là 10.322.071.311 đồng; số thuế còn thiếu tại các tờ khai nhập khẩu thuộc Cục Hải quan Thành phố Hà Nội là 107.914.159 đồng). Thực hiện xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty và hướng dẫn Công ty thực hiện nộp tiền chậm nộp thuế theo đúng quy định.

- Đề nghị Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo Chi cục Hải quan Ninh Thuận căn cứ Điều 20, Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài Chính quy định về khai bổ sung hồ sơ hải quan, thực hiện kiểm tra hồ sơ hải quan và tài liệu kỹ thuật kèm theo tờ khai bổ sung để xác định đúng tên hàng nhập khẩu, mã HS theo đúng quy định đối với các tờ khai Công ty khai báo sai tên hàng và mã HS nhưng không làm ảnh hưởng đến số thuế phải nộp Đoàn thanh tra đã nêu tại tiểu mục 2.2, mục II, phần B.

- Đối với các tờ khai hải quan khai báo hàng nhập khẩu miễn thuế Công ty khai báo hàng hóa nhập khẩu có đơn vị tính là bộ (Đoàn thanh tra nêu tại các tiểu mục 1.3; 2.3; 3.3 Mục I, Phần B) và Công ty không thực hiện khai báo hàng nhập khẩu chi tiết cụ thể theo từng máy móc/ thiết bị/ linh kiện/phụ tùng riêng lẻ theo quy định tại Mục 1.78, Phụ lục II Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục I ban

hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC 20/4/2018 của Bộ Tài chính về mô tả hàng hóa và Công ty không thực hiện đăng ký Danh mục các chi tiết, linh kiện rời của máy móc thiết bị nhập khẩu theo quy định tại Điều 8 Thông tư 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính. Vì vậy chưa đủ cơ sở để xác định hàng nhập khẩu là thiết bị đồng bộ làm căn cứ xét miễn thuế. Do Đoàn thanh tra không đủ điều kiện về thời gian và nhân lực để làm rõ hàng các tờ khai nhập khẩu trên. Đề nghị Cục Hải quan Thành phố Hà Nội và Cục Hải quan Tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo Chi cục làm thủ tục hải quan kiểm tra, rà soát đối chiếu với chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách ưu đãi thuế để xác định cơ sở miễn thuế của các mặt hàng nhập khẩu nêu trên theo đúng quy định (Chi tiết tại Phụ lục số 01).

- Đề nghị Cục Hải quan Thành phố Hà Nội và Cục Hải quan Tỉnh Khánh Hòa làm rõ và xử lý trách nhiệm đối với những công chức có liên quan đến làm thủ tục kiểm tra hồ sơ khai báo hải quan của Công ty (gồm khai báo tên hàng chưa chi tiết, áp mã HS chưa phù hợp tên hàng) chưa đúng quy định theo Quyết định 2799/QĐ-TCHQ ngày 26/9/2018 và báo cáo kết quả thực hiện về Tổng cục Hải quan (Vụ thanh tra - Kiểm tra) trong thời hạn quy định của pháp luật về xử lý sau thanh tra.

- Đề nghị Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa rà soát mã HS của mặt hàng cấp điện nhập khẩu đối những dự án nhập khẩu ưu đãi đầu tư là Điện năng lượng mặt trời thuộc địa bàn quản lý thực hiện đúng nội dung hướng dẫn tại Công văn số 8170/TCHQ-TXNK ngày 30/12/2020 của Tổng cục Hải quan.

- Đề nghị Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa, Cục Hải quan thành phố Hà Nội thực hiện rà soát các Danh mục miễn thuế của các Dự án ưu đãi đầu tư còn lại thuộc địa bàn quản lý (nếu có) và thực hiện kiểm tra sau thông quan theo tại Điều 11 Quyết định 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 về việc kiểm tra tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu quy định: "Việc báo cáo, kiểm tra tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế thực hiện theo quy định tại Điều 106 Thông tư 38/2015/TT-BTC; thủ tục, trình tự kiểm tra thực hiện theo quy định tại khoản 74 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC."

3. Vụ Thanh tra- Kiểm tra Tổng cục Hải quan

Theo dõi, đôn đốc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành, Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa, Cục Hải quan thành phố Hà Nội thực hiện Kết luận thanh tra và tổng hợp báo cáo theo quy định. *ll*

Nơi nhận:

- Đ/c TCT Nguyễn Văn Cận (để b/c);
- Đ/c P.TCT Lưu Mạnh Tường;
- Thanh tra Bộ Tài chính (để b/c);
- Đ/c VT Vụ TTKT TCHQ (để chỉ đạo t/h);
- Cty CP đầu tư XD và PT Trường Thành (để t/h);
- Cục Hải quan Tỉnh Khánh Hòa (để t/h);
- Cục Hải quan TP.Hà Nội (để t/h);
- Lưu: VT, TTKT; HS Đoàn thanh tra (3b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Lưu Mạnh Tường

Phụ lục I

BẢNG KÊ TỜ KHAI NHẬP KHẨU MIỄN THUẾ KHÔNG KHAI BÁO CHI TIẾT HÀNG HÓA
(Kèm Kết luận thanh tra số **1043** /KL-TCHQ ngày **10** tháng 3 năm 2023 của Tổng cục Hải quan)

Tờ khai	Ngày đăng ký	Tên hàng	Mã hàng khai báo	Đơn giá khai báo(USD)	Lượng	Đơn vị tính	Tên nước xuất xứ	Đơn vị làm thủ tục Hải quan
102595040550/ A12/41BH	4/17/2019	Mục 7: Hệ thống điều khiển SUNIQ, hàng mới 100%	'85372090	227123	1	BỘ	GB	Chi cục Hải quan Ninh Thuận, Cục Hải quan Tỉnh Khánh hòa
102623327001/ A12/41BH	5/4/2019	Mục 6: Trạm đo và thu thập dữ liệu thời tiết(thiết bị đồng bộ gồm: Trạm xạ kế, thiết bị đo nhiệt độ bề mặt của tấm pin, t.bị đo nhiệt độ và độ ẩm, t.bị đo tốc độ gió và hướng gió, t.bị đo mưa), mới 100%	'90158090	25797.6667	3	BỘ	IN	Chi cục Hải quan Ninh Thuận, Cục Hải quan Tỉnh Khánh hòa
102661416100/ A12/01BT	5/28/2019	Ông xã tua bin thủy lực - Dự án thủy điện Pá Hu công suất 13MW, tỉnh Yên Bái, chi tiết theo bảng kê đính kèm, hàng mới 100%	'84109000	22025.2426	2	BỘ	IN	Chi cục Hải quan Yên Bái, Cục Hải quan TP Hà Nội
102800863651/ A12/01BT	8/7/2019	Phụ kiện đi kèm bộ điều khiển tốc độ tuabin, hiệu Flovel bao gồm phụ kiện kèm bảng kê, thuộc mục I.10 DMHH số 11/HQHN-DM ngày 11/06/2019, hàng mới 100%	'84109000	5898.85	1	BỘ	IN	Chi cục Hải quan Yên Bái, Cục Hải quan TP Hà Nội
102800863651/ A12/01BT	8/7/2019	Trụ kết cấu thép và các phụ kiện kim loại cần thiết để làm chân đế lắp đặt cho các thiết bị sân trạm 110kV, hiệu KR Structures (45 trụ/bộ), Mục VII.10 DMHH số 11/HQHN-DM ngày 11/06/2019, hàng mới 100%	'73089099	75873.48	1	BỘ	IN	Chi cục Hải quan Yên Bái, Cục Hải quan TP Hà Nội
103508006561/ A12/41BH	8/31/2020	Hộp đầu cấp DC 24 đầu vào có chức năng giám sát, điện áp định mức 1500VDC, cầu chì 20A, hàng mới 100%	'85359090	3205.1282	168	BỘ	IN	Chi cục Hải quan Ninh Thuận, Cục Hải quan Tỉnh Khánh hòa
103536501240/ A12/41BH	9/15/2020	Trạm đo và thu thập dữ liệu thời tiết, phụ kiện đồng bộ đi kèm, hàng mới 100%	'90158090	24999.9998	3	BỘ	IN	Chi cục Hải quan Ninh Thuận, Cục Hải quan Tỉnh Khánh hòa
103536501240/ A12/41BH	9/15/2020	Hộp đầu cấp DC 24 đầu vào có chức năng giám sát, điện áp định mức 1500VDC, cầu chì 20A, hàng mới 100%	'85359090	3205.1282	27	BỘ	IN	Chi cục Hải quan Ninh Thuận, Cục Hải quan Tỉnh Khánh hòa
103582247310/ A12/41BH	10/8/2020	Hệ thống điều khiển SUNIQ, phụ kiện đồng bộ đi kèm, hàng mới 100%	'85372090	239250.34	1	BỘ	GB	Chi cục Hải quan Ninh Thuận, Cục Hải quan Tỉnh Khánh hòa

4

12

Account No.	Description	Year	Amount	Balance	Debit	Credit	Balance	Remarks
1001000000	General Fund	2010	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2011	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2012	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2013	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2014	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2015	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2016	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2017	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2018	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2019	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2020	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2021	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2022	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2023	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2024	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2025	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2026	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2027	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2028	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2029	1000000	1000000			1000000	Initial balance
1001000000	General Fund	2030	1000000	1000000			1000000	Initial balance



1001000000

1001000000

1001000000

Phụ lục II
BẢNG KẾ TỜ KHAI NHẬP KHẨU MÃ HS ĐOÀN THANH TRA KIẾN NGHỊ VÀ THU THUẾ
(Kiểm Kế toán thành tra số: 1043/KL-TCHQ ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tổng cục Hải quan)

Đơn vị tính: VND

Số Tờ khai	Ngày tờ khai	Mã HS khai báo	Tên hàng khai báo	TG tính thuế	TS NK	Số tờ khai bổ sung	Ngày khai bổ sung	Tên hàng khai bổ sung	Mã HS khai bổ sung	Thuế suất NK khai bổ sung	Mã HS kiện nghị	TS NK kiện nghị	Tiền thuế NK kiện nghị	Tiền thuế VAT kiện nghị	Tiền thuế NK chính lịch căn phải nộp	Tiền thuế VAT chính lịch căn phải nộp	Tổng cộng tiền thuế căn phải nộp
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
103546267160/A1 2/41BH	9/21/2020	85441900	Mục số 01: Cáp DC dây đơn 1 lõi (ALBARAN 90117851), 1C x 300mm, lõi nhôm, bọc LSZH XLPE, điện áp định danh 1500V/1800VDC, hàng mới 100%	7,600,304,680	5%	730248251940	18/01/2021	Mục số 01: Cáp DC dây đơn cuộn (ALBARAN 90118165), 1C x 300mm, lõi nhôm, bọc LSZH XLPE, điện áp định danh 1500V/1800VDC, chưa lắp đầu nối, không dùng cho viễn thông, mới 100%	-	-	85446011	20%	1,520,060,935.96	912,036,562	1,440,045,701.97	114,004,570.20	1,254,050,272.17
103546267160/A1 2/41BH	9/21/2020	85441900	Mục số 02: Cáp DC dây đơn 1 lõi (ALBARAN 90118163), 1C x 300mm, lõi nhôm, bọc LSZH XLPE, điện áp định danh 1500V/1800VDC, hàng mới 100%	7,095,495,881	5%	730248251940	18/01/2021	Mục số 02: Cáp DC dây đơn cuộn (ALBARAN 90118165), 1C x 300mm, lõi nhôm, bọc LSZH XLPE, điện áp định danh 1500V/1800VDC, chưa lắp đầu nối, không dùng cho viễn thông, mới 100%	-	-	85446011	20%	1,419,099,176.20	851,459,506	1,064,324,382.15	106,432,438.21	1,170,756,820.36
103546267160/A1 2/41BH	9/21/2020	85441900	Mục số 03: Cáp DC dây đơn 1 lõi (ALBARAN 90118658), 1C x 300mm, lõi nhôm, bọc LSZH XLPE, điện áp định danh 1500V/1800VDC, hàng mới 100%	7,845,234,689	5%	730248251940	18/01/2021	Mục số 03: Cáp DC dây đơn cuộn (ALBARAN 90118658), 1C x 300mm, lõi nhôm, bọc LSZH XLPE, điện áp định danh 1500V/1800VDC, chưa lắp đầu nối, không dùng cho viễn thông, mới 100%	-	-	85446011	20%	1,569,046,937.84	941,428,163	1,176,785,203.38	117,678,520.34	1,294,463,723.72
103528142651/A1 2/41BH	9/19/2020	85441900	Mục số 02: Cáp DC dây đơn 1 lõi (ALBARAN 90601576), 1C x 300mm, lõi nhôm, bọc LSZH XLPE, điện áp định danh 1500V/1800VDC, hàng mới 100%	433,514,620	5%	730248250210	18/01/2021	Mục số 02: Cáp DC dây đơn cuộn (ALBARAN 90601576), 1C x 300mm, lõi nhôm, bọc LSZH XLPE, điện áp định danh 1500V/1800VDC, chưa lắp đầu nối, không dùng cho viễn thông, hàng mới 100%	-	-	85446011	20%	86,702,923.91	52,021,754	65,027,192.93	6,502,719.29	71,529,912.22
10254273851/A1 2/41BH	3/20/2019	85441900	Mục số 01: Cáp DC dây đơn 1 lõi x 300mm, lõi nhôm, cách điện và bọc bên ngoài HDPE, điện áp danh định 1800V/2000VDC, hàng mới 100%	20,127,408,177	5%	73024826320	18/01/2021	Mục số 01: Cáp DC dây đơn 1 lõi, dạng cuộn, 1C x 300mm, đường kính 19.54mm, lõi nhôm, cách điện và bọc bên ngoài HDPE, điện áp danh định 1800V/2000VDC, chưa lắp đầu nối điện, không dùng cho viễn thông, hàng mới 100%	-	-	85446011	20%	4,025,481,655.46	2,415,288,981	3,019,111,226.59	301,911,122.66	3,321,022,349.25
102593392160/A1 2/41BH	4/17/2019	85441900	Mục số 01: Cáp DC dây đơn 1 lõi x 300mm, lõi nhôm, cách điện và bọc bên ngoài HDPE, điện áp danh định 1800V/2000VDC, hàng mới 100%	11,394,634,673	5%	73024826340	18/01/2021	Mục số 01: Cáp DC dây đơn 1 lõi, dạng cuộn, 1C x 300mm, đường kính 19.54mm, lõi nhôm, cách điện và bọc bên ngoài HDPE, điện áp danh định 1800V/2000VDC, chưa lắp đầu nối điện, không dùng cho viễn thông, mới 100%	-	-	85446011	20%	2,278,906,934.55	1,367,344,161	1,709,180,200.91	170,918,020.09	1,880,098,221.00
10241841252/A1 2/41BH	1/2/2019	85441900	Mục số 01: Cáp nối tấm pin, cáp đồng mềm mạ kẽm, 1C x 4mm, đường kính cách điện và bọc EBXL XLPO, điện áp danh định 1500VDC, hàng mới 100%	12,013,113,017	5%	730249180840	23/01/2021	Cáp dây đơn nối tấm pin, dạng cuộn, cáp đồng mềm mạ kẽm, 1C x 4mm, đường kính 2.26mm, cách điện và bọc EBXL XLPO, điện áp danh định 1500VDC, chưa lắp đầu nối, không dùng cho viễn thông, mới 100%	85441190	10%	85446011	20%	2,402,622,603.36	1,441,573,562	1,201,311,301.52	120,131,130.25	1,321,442,431.77
10274377022/A1 1/02B1	7/8/2019	85441190	Mục số 08: Hộp cáp áp nối cầu chì 100A, 1500V, được làm bằng đồng, cáp nhôm tự dòng (Main transformer Secondary to 100A fuse cables) - Phụ kiện cho nhà máy nhiệt điện, Hàng mới 100%	23,599,511	10%						85446011	20%	4,719,902.18	2,831,941	2,359,951.09	235,995.11	2,595,946.20
1050608939562/H1 1/41BH	10/22/2020	85359090	Mục số 08: Hộp dẫn cáp DC 24 đầu vào có chức năng giám sát, điện áp định mức 1500VDC, cầu chì 20A, Hàng mới 100%, Hàng F.O.C	108,234,375	0%						85372090	5%	5,411,718.75	11,364,609	5,411,718.75	541,171.88	5,952,890.63

103608939562/H1 1/4/IBH	10/22/2020	85372090	Mức số 04: Hộp dính mỗi thùng cỡ chứa đựng vệ bảo vệ cỡ chỉ 1.500 VDC, 32A. F-ang mỗi 100%. Hàng F.O.C	1,154,500	0%					85372090	5%	57,725.00	121,223	57,725.00	4,772.20	63,497.20
103608939562/H1 1/4/IBH	10/22/2020	85372090	Mức số 14: Hộp dính mỗi thùng cỡ chứa đựng vệ bảo vệ cỡ chỉ 1.500 VDC, 32A. F-ang mỗi 100%. Hàng F.O.C	1,731,750	0%					85372090	5%	86,387.50	181,834	86,387.50	8,638.75	95,246.25
103661416100/A1 20/IBT	5/28/2019	73089099	Bộ đồ tua bin thủy lực - Dự án thủy điện Pá Hù công suất 13MW, tỉnh Yên Bái chỉ tiết theo bảng kê đính kèm, hàng mới 100%	981,037,812	0%					73089099	10%	98,103,781.23	107,914,159	98,103,781.23	9,810,378.36	107,914,159.59
TỔNG SỐ THUẾ CÒN THIỂU PHẢI NỘP											9,481,894,572.02		948,189,487.64	10,429,983,978.66		



10/22/2020 10:22:20 AM
 Tổng cục Hải quan Việt Nam
 Bộ Tài chính

															Thanh toán 3% GTHTD theo hợp đồng mua ngoại tệ ngày 20/4/2021	94.500.00	20/04/2021	2.188.411.418	Agribank Som La	Nhà máy thủy điện Pá Hừ
															Thanh toán 3% GTHTD theo hợp đồng mua ngoại tệ ngày 06/12/2021	94.500.00	06/12/2021	2.199.960.000	Agribank Som La	Nhà máy thủy điện Pá Hừ
															Tạm ứng 20% GTHTD theo lệnh chuyển tiền kèm hợp đồng mua bán ngoại tệ ngày 29/08/2018	200.000.00	31/08/2018	4.671.000.000	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
															Tạm ứng 20% GTHTD bằng tiền vay BIDV theo HĐ tín dụng số 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 02/2018	5.200.200.00	18/09/2018	121.580.676.000	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102418431252/A12/41BH	1/2/2019	518.477.04	518.477.04	1065995	12/12/2018	12/12/2018	518.477.04	1065995	12/12/2018	518.477.04	12/12/2018	518.477.04	1065995		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 05/2018	362.933.93	27/12/2018	32.859.568.473	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102410066251/A12/41BH	12/26/2018	1.489.747.20	1.489.747.20	1065997	12/12/2018	12/12/2018	1.489.747.20	1065997	12/12/2018	1.489.747.20	12/12/2018	1.489.747.20	1065997		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 06/2018	1.042.823.04	29/12/2018	23.198.309.710	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102410118751/A12/41BH	12/26/2018	1.422.031.42	1.422.031.42	1066027	12/13/2018	12/13/2018	1.422.031.42	1066027	12/13/2018	1.422.031.42	12/13/2018	1.422.031.42	1066027		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 06/2018	995.422.00	29/12/2018	23.198.309.710	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102423817750/A12/41BH	1/4/2019	1.422.031.42	1.422.031.42	1066067	12/17/2018	12/17/2018	1.422.031.42	1066067	12/17/2018	1.422.031.42	12/17/2018	1.422.031.42	1066067		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 01/2019	995.422.00	10/01/2019	23.193.332.600	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102432607060/A12/41BH	1/9/2019	817.62	817.62	1066057	12/14/2018	12/14/2018	817.62	1066057	12/14/2018	817.62	12/14/2018	817.62	1066057		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 01/2019	12.019.00	15/01/2019	279.982.603	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102432635910/A12/41BH	1/9/2019	16.352.38	16.352.38	1066248	12/16/2018	12/16/2018	16.352.38	1066248	12/16/2018	16.352.38	12/16/2018	16.352.38	1066248		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 01/2019	995.422.00	15/01/2019	279.982.603	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102430459830/A12/41BH	1/8/2019	1.422.031.42	1.422.031.42	1066248	12/16/2018	12/16/2018	1.422.031.42	1066248	12/16/2018	1.422.031.42	12/16/2018	1.422.031.42	1066248		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 01/2019	995.422.00	15/01/2019	279.982.603	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102442968020/A12/41BH	1/15/2019	525.726.96	525.726.96	1066249	12/26/2018	12/26/2018	525.726.96	1066249	12/26/2018	525.726.96	12/26/2018	525.726.96	1066249		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 02/2019	374.675.70	17/01/2019	55.116.609.010	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102442911060/A12/41BH	1/15/2019	9.524.04	9.524.04	1066250	12/27/2018	12/27/2018	9.524.04	1066250	12/27/2018	9.524.04	12/27/2018	9.524.04	1066250		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 02/2019	995.422.00	25/01/2019	32.022.014.469	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102444069450/A12/41BH	1/16/2019	1.422.031.42	1.422.031.42	1066256	1/3/2019	1/3/2019	1.422.031.42	1066256	1/3/2019	1.422.031.42	1/3/2019	1.422.031.42	1066256		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 03/2019	758.416.76	01/03/2019	23.193.332.600	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102453571510/A12/41BH	1/21/2019	1.083.452.51	1.083.452.51	1066256	1/3/2019	1/3/2019	1.083.452.51	1066256	1/3/2019	1.083.452.51	1/3/2019	1.083.452.51	1066256		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 04/2019	616.213.61	01/03/2019	23.193.332.600	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102453370240/A12/41BH	1/21/2019	880.305.16	880.305.16	1066257	1/3/2019	1/3/2019	880.305.16	1066257	1/3/2019	880.305.16	1/3/2019	880.305.16	1066257		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 04/2019	995.422.00	07/03/2019	23.193.332.600	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102500074830/A12/41BH	2/23/2019	1.422.031.42	1.422.031.42	1066476	2/10/2019	2/10/2019	1.422.031.42	1066476	2/10/2019	1.422.031.42	2/10/2019	1.422.031.42	1066476		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 05/2019	375.556.94	11/03/2019	8.750.476.702	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102508640620/A12/41BH	3/1/2019	1.422.031.42	1.422.031.42	1066532	2/16/2019	2/16/2019	1.422.031.42	1066532	2/16/2019	1.422.031.42	2/16/2019	1.422.031.42	1066532		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 05/2019	1.990.843.99	08/03/2019	46.386.665.200	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102520934720/A12/41BH	3/8/2019	2.844.062.84	2.844.062.84	1066565	2/22/2019	2/22/2019	2.844.062.84	1066565	2/22/2019	2.844.062.84	2/22/2019	2.844.062.84	1066565		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 06/2019	536.509.91	11/03/2019	12.494.467.026	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102521238851/A12/41BH	3/8/2019	536.509.91	536.509.91	1066477	2/11/2019	2/11/2019	536.509.91	1066477	2/11/2019	536.509.91	2/11/2019	536.509.91	1066477		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 06/2019	375.556.94	11/03/2019	8.750.476.702	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102529467021/A12/41BH	3/13/2019	766.061.74	766.061.74	1066576	2/26/2019	2/26/2019	766.061.74	1066576	2/26/2019	766.061.74	2/26/2019	766.061.74	1066576		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 07/2019	536.243.22	19/03/2019	12.494.467.026	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102542452020/A12/41BH	3/20/2019	536.509.91	536.509.91	1066606	3/1/2019	3/1/2019	536.509.91	1066606	3/1/2019	536.509.91	3/1/2019	536.509.91	1066606		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 07/2019	375.556.94	19/03/2019	12.494.467.026	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102542150210/A12/41BH	3/20/2019	1.073.019.83	1.073.019.83	1066605	3/1/2019	3/1/2019	1.073.019.83	1066605	3/1/2019	1.073.019.83	3/1/2019	1.073.019.83	1066605		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 08/2019	751.113.88	22/03/2019	40.449.259.318	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102542273851/A12/41BH	3/20/2019	869.434.48	869.434.48	1066624	3/1/2019	3/1/2019	869.434.48	1066624	3/1/2019	869.434.48	3/1/2019	869.434.48	1066624		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 08/2019	608.604.13	01/04/2019	45.857.452.067	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102550702550/A12/41BH	3/25/2019	2.776.347.06	2.776.347.06	1066655	3/6/2019	3/6/2019	2.776.347.06	1066655	3/6/2019	2.776.347.06	3/6/2019	2.776.347.06	1066655		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 09/2019	1.968.131.02	01/04/2019	45.857.452.067	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102550712460/A12/41BH	3/25/2019	35.268.68	35.268.68	1066624	3/1/2019	3/1/2019	35.268.68	1066624	3/1/2019	35.268.68	3/1/2019	35.268.68	1066624		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 09/2019	608.604.13	01/04/2019	45.857.452.067	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102574146250/A12/41BH	4/5/2019	1.532.123.48	1.532.123.48	1066577	2/26/2019	2/26/2019	1.532.123.48	1066577	2/26/2019	1.532.123.48	2/26/2019	1.532.123.48	1066577		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 10/2019	1.072.486.43	09/04/2019	34.984.507.533	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
10257420050/A12/41BH	4/5/2019	306.424.70	306.424.70	1066712	3/12/2019	3/12/2019	306.424.70	1066712	3/12/2019	306.424.70	3/12/2019	306.424.70	1066712		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 10/2019	214.497.29	09/04/2019	34.984.507.533	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát
102574185360/A12/41BH	4/5/2019	306.424.70	306.424.70	1066625	3/5/2019	3/5/2019	306.424.70	1066625	3/5/2019	306.424.70	3/5/2019	306.424.70	1066625		Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDV theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bằng kế rút vốn số 10/2019	214.497.29	09/04/2019	34.984.507.533	BIDV CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bấu Ngát



Phụ lục III

BẢNG KẾ CHỨNG TỪ THANH TOÁN HÀNG NHẬP KHẨU
(Kèm Kêch luận thành trả số: 1043 /KL-TCHQ ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tổng cục Hải quan)

Số tờ khai	Ngày tờ khai	Giá trị tờ khai (USD)	Ngày hoá đơn	Số hoá đơn	Theo hóa đơn (USD)	Diễn giải	Giá trị thanh toán USD	Ngày chứng từ TT	Quy đổi VND	Ngân hàng thực hiện	Tên dự án
102606115622/A1201BT	4/23/2019	15.020.4	1/31/2019	EXP/2018-19/341	15.020.43	Tạm ứng bằng tiền vay Agribank theo HĐTD 02-2017/HĐTD/SL_LA - Giấy nhận nợ của ngân hàng số 201800608	378,000	20/03/2018	8,637,300,000	Agribank Sơn La	Nhà máy thủy điện Pá Hiu
102661416100/A1201BT	5/28/2019	86,101.0	3/27/2019	EXP/2018-19/474	86,100.97	Tạm ứng bằng tiền vay Agribank theo HĐTD 02-2017/HĐTD/SL_LA - Giấy nhận nợ của ngân hàng số 201801386	189,000	11/17/2018	4,367,790,000	Agribank Sơn La	Nhà máy thủy điện Pá Hiu
102705320101/A1201BT	6/20/2019	354,884.9	3/29/2019	EXP/2018-19/500	29,494.24	Tạm ứng bằng tiền vay theo HĐTD 02-2017/HĐTD/SL_LA - Giấy nhận nợ của ngân hàng số 201900975	61,992.70	5/3/2019	1,448,769,399	Agribank Sơn La	Nhà máy thủy điện Pá Hiu
102714048733/A1201BT	6/21/2019	634,147.0	3/30/2019	EXP/2018-19/514	307,369.02	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn theo hợp đồng mua ngoại tệ ngày 20/3/2019	12,976.58	5/24/2019	304,819,864	Agribank Sơn La	Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			4/30/2019	EXP/2019-20/011	193,787.20	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	21,235.86		498,830,351	Agribank Sơn La	Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			5/15/2019	EXP/2019-20/021	89,306.45	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	221,305.70		5,198,447,403		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			5/15/2019	EXP/2019-20/022	65,415.65	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	140,966.78		3,311,303,244		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			5/15/2019	EXP/2019-20/024	43,359.58	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	64,300.64		1,510,422,128		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			5/15/2019	EXP/2019-20/025	36,369.14	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	47,099.27		1,106,361,805		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			5/15/2019	EXP/2019-20/027	30,647.03	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	31,218.90		733,331,905		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			5/16/2019	EXP/2019-20/029	63,646.00	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	26,185.78	6/3/2019	615,103,991	Agribank Sơn La	Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			5/16/2019	EXP/2019-20/030	54,533.71	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	22,065.86		518,327,089		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			5/17/2019	EXP/2019-20/031	35,867.43	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	45,825.12		1,076,437,069		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			5/18/2019	EXP/2019-20/032	19,194.82	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	39,278.67		922,655,986		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			5/31/2019	EXP/2019-20/037	70,959.20	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	13,820.27		324,638,152		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			5/31/2019	EXP/2019-20/038	9,698.44	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	51,090.62		1,192,966,070		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
102771978260/A1201BT	7/23/2019	425,146.5	6/3/2019	EXP/2019-20/040	19,098.15	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	6,982.88	7/5/2019	163,030,173	Agribank Sơn La	Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			6/14/2019	EXP/2019-20/047	323,390.66	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	13,750.67		321,078,098		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			6/19/2019	EXP/2019-20/049	114,002.86	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	234,281.28		5,470,467,683		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			6/21/2019	EXP/2019-20/051	25,344.53	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	82,082.06		1,913,743,244		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			6/26/2019	EXP/2019-20/056	374,856.80	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	18,248.06		425,453,564		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			7/10/2019	EXP/2019-20/069	75,873.48	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	269,896.90	29/7/2019	6,292,646,243	Agribank Sơn La	Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			7/10/2019	EXP/2019-20/070	1,010.25	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	54,628.91		1,273,672,957		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			6/30/2019	EXP/2019-20/062	497,044.92	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	727.38		16,958,865		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
102800863651/A1201BT	8/7/2019	591,087.9	7/31/2019	EXP/2019-20/081	532,438.01	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	357,872.34	9/6/2019	8,334,846,859	Agribank Sơn La	Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			8/31/2019	EXP/2019-20/102	173,732.08	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	383,555.37		8,928,346,507		Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			8/31/2019	EXP/2019-20/105	400,377.68	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	176,541.51	10/2/2019	2,945,886,353	Agribank Sơn La	Nhà máy thủy điện Pá Hiu
			9/30/2020	SER/2020-21/225	68,000.00	Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	288,271.00	11/1/2020	6,710,970,530	Agribank Sơn La	Nhà máy thủy điện Pá Hiu
						Thanh toán thiết bị bằng 72% trị giá hóa đơn	48,960.00		1,141,433,242	Agribank Sơn La	Nhà máy thủy điện Pá Hiu

102594565620/12/4/1BH	4/17/2019	804,764.87	3/11/2019	1066699	804,764.87	804,764.87	Thanh toán 70% invoice bằng tiền vay BIDY theo HĐTD 01/2018/25-4822/HĐTD - Bảng kê rút vốn số 11/2019	563,335.41	22/04/2019	34,853,520,291	BIDY CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bàu Ngự
102595040530/12/4/1BH	4/17/2019	277,123.00	3/13/2019	1066740	277,123.00	277,123.00		158,986.10	08/05/2019	1,265,530,336	BIDY CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bàu Ngự
102594040930/12/4/1BH	4/17/2019	612,849.39	3/14/2019	1055761	612,849.39			428,994.37				
1025939392160/12/4/1BH	4/17/2019	492,204.52	3/25/2019	1066915	492,204.52	492,204.52		344,543.17	08/05/2019	2,193,252,413	BIDY CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bàu Ngự
102623327001/12/4/1BH	5/4/2019	77,393.00	3/27/2019	1066952	77,393.00			54,175.10				
102623345620/12/4/1BH	5/4/2019	134,127.48	4/17/2019	1067087	134,127.48	134,127.48		93,889.23	02/07/2019	225,131,637	BIDY CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bàu Ngự
102743777032/11/02B1	7/8/2019	9,631.30	5/31/2019	1067273	13,759.00			9,631.30				
								1,350,050	13/11/2019	31,469,663,500	BIDY CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bàu Ngự
								435,454.00				
								100,000.00	15/09/2021	2,290,000,000	BIDY CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bàu Ngự
								814,596.00				
								907,500	5/20/2020	21,249,112,500	BIDY CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Núi Mợt 1
								907,500				
103487199802/12/4/1BH	8/20/2020	2,154,546.06	8/11/2020	1332076	2,154,546	2,154,546	Dự kiến trả bằng LC ngày thanh toán 30/9/2022	16,335,000.00	9/30/2022	21,199,200,000	BIDY CN Yên Bái	Nhà máy Điện mặt trời Hồ Núi Mợt 1
10348726851/12/4/1BH	8/20/2020	393,218.68	8/11/2020	1332077	393,219	393,219	Dự kiến trả bằng LC ngày thanh toán 30/9/2022					
103502930050/12/4/1BH	8/28/2020	2,430,234.72	8/27/2020	1337693	2,430,235	2,430,235	Dự kiến trả bằng LC ngày thanh toán 30/9/2022					
103504141750/12/4/1BH	8/28/2020	786,437.33	8/11/2020	1332088	786,437	786,437	Dự kiến trả bằng LC ngày thanh toán 30/9/2022					
103501377930/12/4/1BH	8/27/2020	215,797.99	8/20/2020	1335324	215,798	215,798	Dự kiến trả bằng LC ngày thanh toán 30/9/2022					
103508006561/12/4/1BH	8/31/2020	538,461.54	8/31/2020	224383	538,462	538,462	Dự kiến trả bằng LC ngày thanh toán 30/9/2022					
103514864460/12/4/1BH	9/4/2020	4,860,469.44	9/1/2020	1339270	4,860,470	4,860,470	Dự kiến trả bằng LC ngày thanh toán 30/9/2022					
103528049550/12/4/1BH	9/10/2020	4,884,295.27	04/09/2020	1340527	4,884,296	4,884,296	Dự kiến trả bằng LC ngày thanh toán 30/9/2022					
103535652140/12/4/1BH	9/15/2020	161,538.46	8/31/2020	224384	161,538	161,538	Dự kiến trả bằng LC ngày thanh toán 30/9/2022					
103546267160/12/4/1BH	9/21/2020	976,225.00	9/18/2020	1344891	976,225	976,225	Dự kiến trả bằng LC ngày thanh toán 30/9/2022					
103528142651/12/4/1BH	9/10/2020	264,149.83	9/7/2020	1340960	264,150	264,150	Dự kiến trả bằng LC ngày thanh toán 30/9/2022					
103528085361/12/4/1BH	9/10/2020	245,374.84	9/1/2020	1339269	245,375	245,375	Dự kiến trả bằng LC ngày thanh toán 30/9/2022					
103582247310/12/4/1BH	10/8/2020	239,250.34	9/23/2020	1346700	239,250	239,250	Dự kiến trả bằng LC ngày thanh toán 30/9/2022					



Address	City	State	Zip	County	Parcel ID	Area	Notes
123 Main St	Honolulu	HI	96810	Honolulu	1-123-1234	100 sq ft	Single lot, owner occupied.
456 Ala St	Honolulu	HI	96813	Honolulu	2-456-4567	150 sq ft	Commercial property.
789 Kalanoi	Honolulu	HI	96815	Honolulu	3-789-7890	200 sq ft	Large lot, agricultural.
1010 Waioli	Honolulu	HI	96814	Honolulu	4-1010-1010	300 sq ft	Residential, 2 lots.
1212 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	5-1212-1212	400 sq ft	High density residential.
1414 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	6-1414-1414	450 sq ft	Residential, 2 lots.
1616 Waioli	Honolulu	HI	96814	Honolulu	7-1616-1616	500 sq ft	Large lot, agricultural.
1818 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	8-1818-1818	550 sq ft	High density residential.
2020 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	9-2020-2020	600 sq ft	High density residential.
2222 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	10-2222-2222	650 sq ft	High density residential.
2424 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	11-2424-2424	700 sq ft	High density residential.
2626 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	12-2626-2626	750 sq ft	High density residential.
2828 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	13-2828-2828	800 sq ft	High density residential.
3030 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	14-3030-3030	850 sq ft	High density residential.
3232 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	15-3232-3232	900 sq ft	High density residential.
3434 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	16-3434-3434	950 sq ft	High density residential.
3636 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	17-3636-3636	1000 sq ft	High density residential.
3838 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	18-3838-3838	1050 sq ft	High density residential.
4040 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	19-4040-4040	1100 sq ft	High density residential.
4242 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	20-4242-4242	1150 sq ft	High density residential.
4444 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	21-4444-4444	1200 sq ft	High density residential.
4646 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	22-4646-4646	1250 sq ft	High density residential.
4848 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	23-4848-4848	1300 sq ft	High density residential.
5050 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	24-5050-5050	1350 sq ft	High density residential.
5252 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	25-5252-5252	1400 sq ft	High density residential.
5454 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	26-5454-5454	1450 sq ft	High density residential.
5656 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	27-5656-5656	1500 sq ft	High density residential.
5858 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	28-5858-5858	1550 sq ft	High density residential.
6060 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	29-6060-6060	1600 sq ft	High density residential.
6262 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	30-6262-6262	1650 sq ft	High density residential.
6464 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	31-6464-6464	1700 sq ft	High density residential.
6666 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	32-6666-6666	1750 sq ft	High density residential.
6868 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	33-6868-6868	1800 sq ft	High density residential.
7070 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	34-7070-7070	1850 sq ft	High density residential.
7272 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	35-7272-7272	1900 sq ft	High density residential.
7474 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	36-7474-7474	1950 sq ft	High density residential.
7676 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	37-7676-7676	2000 sq ft	High density residential.
7878 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	38-7878-7878	2050 sq ft	High density residential.
8080 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	39-8080-8080	2100 sq ft	High density residential.
8282 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	40-8282-8282	2150 sq ft	High density residential.
8484 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	41-8484-8484	2200 sq ft	High density residential.
8686 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	42-8686-8686	2250 sq ft	High density residential.
8888 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	43-8888-8888	2300 sq ft	High density residential.
9090 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	44-9090-9090	2350 sq ft	High density residential.
9292 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	45-9292-9292	2400 sq ft	High density residential.
9494 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	46-9494-9494	2450 sq ft	High density residential.
9696 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	47-9696-9696	2500 sq ft	High density residential.
9898 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	48-9898-9898	2550 sq ft	High density residential.
10110 Kalia	Honolulu	HI	96811	Honolulu	49-10110-10110	2600 sq ft	High density residential.